

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HOÁ DU LỊCH

Sinh viên : Phạm Thị Ngân

Người hướng dẫn: Thạc sĩ Vũ Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**KHAI THÁC CỤM ĐỀN VÀ LỄ HỘI ĐỀN TẠI
TRÀNG KÊNH - MINH ĐỨC - THỦY NGUYÊN
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HOÁ DU LỊCH**

Sinh viên : Phạm Thị Ngân
Người hướng dẫn: Thạc sĩ Vũ Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Ngân

Mã số: 1012601001

Lớp: VH1401

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: Khai thác cụm đền và lễ hội đền tại Tràng Kênh - Minh Đức

- Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Vũ Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường đại học dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:.....
.....
.....
.....
.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....
.....
.....
.....
.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 4 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2014

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

LỜI CẢM ƠN

Sau khoảng thời gian bốn năm đại học được làm khóa luận ra trường có thể coi là một bước ngoặt, là niềm tự hào của mỗi sinh viên chúng em. Đây giống như sự đánh dấu sự ghi nhận tất cả những sự cố gắng trong 4 năm học của sinh viên. Để có được kết quả như ngày hôm nay em xin gửi lời cảm ơn đến trường đại học dân lập Hải Phòng nơi em đã theo học trong suốt 4 năm, em xin cảm ơn ban giám hiệu nhà trường và các thầy cô trong khoa Văn Hóa – du lịch đã tạo điều kiện cho em trong suốt quá trình học.

Đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn đến thạc sĩ Vũ Thị Thanh Hương là người đã tận tình chỉ dẫn, giúp đỡ em rất nhiệt tình để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận của mình.

Em cũng xin được gửi lời cảm ơn đến các anh chị tại trung tâm thư viện thành phố Hải Phòng đã cung cấp cho em những tài liệu cần thiết cho bài khóa luận, em cũng xin gửi lời cảm ơn đến ban quản lý các đèn ở Tràng Kênh – Minh Đức và các vị thủ từ tại các đèn đã cho em nhưng thông tin rất hữu ích.

Do thời gian nghiên cứu và cũng do hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự thông cảm và góp ý của thầy cô cho bài khóa luận của em

Em xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

PHẦN MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KHAI TÁC CÁC ĐỀN VÀ LỄ HỘI ĐỀN PHỤC VỤ DU LỊCH..... 4

1.1 Khái quát về đối tượng được tôn thờ trong ngôi đền của người Việt..... 4

1.2 Đặc điểm chung trong kiến trúc xây dựng đền của người Việt 5

1.3 Đặc điểm chung trong nội dung lễ hội đền của người Việt 13

1.4 Sơ lược về tình hình khai thác đền và lễ hội đền phục vụ phát triển du lịch..... 16

Tiểu kết chương 1..... 18

CHƯƠNG 2: ĐÁM GIÁ CỤM ĐỀN VÀ LỄ HỘI ĐỀN Ở TRÀNG KÊNH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH..... 20

2.1 Giới thiệu khái quát về huyện Thủy Nguyên 20

2.1.1 Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội 20

2.1.1.1 Điều kiện tự nhiên 20

2.1.1.2 Điều kiện kinh tế xã hội 20

2.1.2 Tài nguyên du lịch..... 22

2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên 22

2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn 24

2.2 Giới thiệu về thị trấn Minh Đức – Thủy Nguyên..... 25

2.3 Khái quát về cụm di tích Tràng Kênh 26

2.4 Các ngôi đền ở Tràng Kênh – Minh Đức..... 27

2.4.1 Đền thờ Đức Thánh Trần 29

2.4.2 Đền thờ đức vua Lê Đại Hành 32

2.4.3 Đền thờ đức vua Ngô Quyền..... 34

2.4.4 Đền thờ Trần Quốc Bảo 36

2.5 Lễ hội đền Tràng Kênh 38

2.6 Giá trị của hệ thống các đền trong cụm di tích Tràng Kênh..... 41

2.6.1 Giá trị lịch sử..... 41

2.6.2 Giá trị cộng đồng..... 42

2.6.3 Giá trị tâm linh 42

2.6.4 Giá trị văn hóa 44

2.6.5 Giá trị kiến trúc 45

2.7 Thực trạng hoạt động du lịch của các đền ở Tràng Kênh	46
2.7.1 Thực trạng hoạt động du lịch	46
2.7.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng.....	47
2.7.3 Công tác quản lý và tổ chức khai thác	48
2.7.4 Đánh giá thuận lợi và khó khăn của cụm di tích.....	50
Tiểu kết chương 2.....	53
CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM KHAI THÁC CÓ HIỆU QUẢ CỤM ĐỀN VÀ LỄ HỘI TRÀNG KÊNH NHẪM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH.....	54
3.1 Giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả hệ thống các đền và lễ hội Tràng Kênh phục vụ phát triển du lịch.....	54
3.1.1 Giải pháp cải tạo và bảo vệ môi trường	55
3.1.2 Giải pháp tuyên truyền quảng bá hình ảnh	55
3.1.3 Giải pháp bảo tồn tôn tạo di tích	56
3.1.4 Giải pháp thu hút vốn đầu tư.....	57
3.1.5 Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực.....	58
3.1.6 Giải pháp xây dựng các chế tài quy định cụ thể đối với du khách và dân cư sở tại	59
3.2 Một số kiến nghị với các tổ chức nhằm bảo tồn tôn tạo và khai thác có hiệu quả đối với các công trình trong cụm di tích Tràng Kênh và lễ hội Tràng Kênh	60
3.2.1 Đối với sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng.....	60
3.2.2 Đối với phòng văn hóa thể thao và du lịch huyện Thủy Nguyên	60
3.2.3 Đối với chính quyền thị trấn Minh Đức – Thủy Nguyên.....	61
3.3 Xây dựng tour du lịch khai thác cụm đền và lễ hội đền ở Tràng Kênh.....	61
Tiểu kết chương 3.....	63
KẾT LUẬN	64
PHỤ LỤC	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch đã đang và ngày càng trở thành một nhu cầu rất phổ biến trong xã hội hiện nay. Đi du lịch không chỉ để nâng cao tầm hiểu biết, mở rộng các mối quan hệ xã hội mà du lịch còn giúp người ta cải thiện được sức khỏe và giảm stress. Du lịch còn là một trong những tiêu chí để đánh giá mức sống của xã hội bởi ai cũng có thể có nhu cầu du lịch nhưng nó chỉ thực sự trở thành hiện thực khi đời sống của con người đã được đáp ứng đầy đủ những nhu cầu thiết yếu: ăn, uống, nghỉ ngơi...và có đủ điều kiện kinh tế.

Một trong những quan hệ phổ biến của quan hệ cung cầu đó chính là có cung ắt sẽ có cầu bởi vậy mà du lịch đang trở thành một trong những ngành nghề hấp dẫn nhất hiện nay. Năm trong quy luật đó Hải Phòng cũng ngày càng chú trọng đầu tư phát triển du lịch nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch hoàn thiện hơn, có chất lượng hơn và đáp ứng ngày càng tốt hơn mong muốn của khách du lịch.

Nhắc tới Hải Phòng là chúng ta nghĩ ngay đến hình ảnh của một thành phố trẻ năng động, có nền công nghiệp rất phát triển và hơn nữa đây còn là quê hương của rất nhiều địa danh du lịch hấp dẫn độc đáo và những lễ hội truyền thống và hiện đại đã và đang đi vào tâm thức của rất nhiều người con Hải Phòng và những vị khách khắp bốn phương. Đó là một Đồ Sơn lộng gió với cát trắng nắng vàng và làn nước mát rượi, đó là Cát Bà với VQG Cát Bà là khu dự trữ sinh quyển thế giới, đó là lễ hội “Chọi trâu Đồ Sơn”, là liên hoan du lịch “Đồ Sơn biển gọi”, là lễ hội “Hoa Phượng đỏ” được tổ chức thường niên thu hút hàng trăm nghìn lượt khách đến với Hải Phòng.

Thủy Nguyên - một vùng đất với bề dày truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước, do vậy nơi đây hiện có rất nhiều ngôi đền, ngôi đình để tưởng niệm những vị anh hùng có công với đất nước. Đó là Đình Kiền Bái đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp quốc gia, đình Đồng Lý có từ thế kỷ 17 tiềm ẩn nhiều giá trị lịch sử và văn hóa, chùa Linh Sơn, chùa Mỹ Cự...Và chúng ta không thể quên được một địa danh đã gắn liền với biết bao chiến công oanh liệt, hào hùng để lại

những trang sử vàng trong lịch sử dân tộc ngày ngày vẫn soi mình xuống dòng sông Bạch Đằng huyền thoại đó chính là mảnh đất Tràng Kênh thuộc thị trấn Minh Đức với những ngôi đền uy nghi mang trong mình bao ý nghĩa cùng với đó là lễ hội Tràng Kênh diễn ra vào dịp đầu Xuân nhằm tưởng nhớ vị anh hùng Trần Quốc Bảo ngày càng thu hút sự quan tâm của du khách không chỉ ở địa bàn thành phố mà còn cả du khách thập phương.

Khai thác những giá trị của khu di tích Tràng Kênh và lễ hội Tràng Kênh để phục vụ cho hoạt động du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của lãnh đạo thị trấn Minh Đức nói riêng và huyện Thủy Nguyên nói chung.

Tràng Kênh với bề dày lịch sử của mình thì đây không phải là một cái tên mới nhưng những ngôi đền ở Tràng Kênh thì vẫn còn khá mới mẻ với rất nhiều người đặc biệt là khách du lịch ngoại tỉnh tuy nhiên với tên tuổi cũng những đôi tượng được thờ tại đây cũng như những giá trị và ý nghĩa to lớn về mặt lịch sử mà Tràng Kênh đã có thì càng ngày nơi đây càng thu hút thêm nhiều du khách và tôi tin tưởng rằng trong tương lai gần thì lượng khách đến với Tràng Kênh sẽ lớn hơn nhiều. Để có thể quảng bá được hình ảnh, giá trị của cụm di tích Tràng Kênh cũng như lễ hội cổ truyền Tràng Kênh, đưa hình ảnh và tên tuổi của những ngôi đền tại Tràng Kênh đến gần hơn với mọi người để những ngôi đền nơi đây không chỉ là chốn tâm linh của người dân địa phương, không chỉ là điểm đến của số ít những du khách trong huyện hay trong thành phố thì cần phải có những cách thức và biện pháp khai thác một cách đúng hướng chính vì vậy tôi đã chọn đề tài “khai thác cụm đền và lễ hội đền tại Tràng Kênh – Minh Đức – Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch” để làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu của khóa luận

Tổng quan về tình hình khai thác các đền và lễ hội đền phục vụ du lịch

Đánh giá khả năng khai thác đền Tràng Kênh và lễ hội Tràng Kênh phục vụ hoạt động du lịch.

Đề xuất những giải pháp nhằm khai thác tốt hơn những giá trị của Tràng Kênh phục vụ phát triển du lịch

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Các ngôi đền thuộc thôn Tràng Kênh – Minh Đức – Thủy Nguyên: Đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành, đền thờ Đức Thánh Trần, đền thờ Ngô Quyền, đền thờ Trần Quốc Bảo.

Lễ hội Tràng Kênh

4. Phương pháp nghiên cứu

Điều dã: Trực tiếp đến khu di tích Tràng Kênh – Minh Đức – Thủy Nguyên để khảo sát và trực tiếp tìm hiểu về đối tượng.

Thu thập xử lý tài liệu: Thông qua hệ thống internet và các sách báo được đọc và tổng hợp lại để làm tài liệu cho bài viết

Xã hội học: Phỏng vấn xin ý kiến trong lĩnh vực tìm hiểu, thông qua việc trực tiếp đến địa điểm nghiên cứu để có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với những người có hiểu biết về các ngôi đền tại Tràng Kênh để từ đó có thêm được những thông tin rất hữu ích cho bài khóa luận.

5. Kết cấu khóa luận

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về tình hình khai thác các di tích và lễ hội đền phục vụ du lịch

Chương 2: Đánh giá cụm đền và lễ hội đền ở Tràng Kênh phục vụ phát triển du lịch

Chương 3: Đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm khai thác có hiệu quả các giá trị văn hóa và lịch sử của cụm di tích và lễ hội Tràng Kênh nhằm phục vụ phát triển du lịch.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH KHAI TÁC CÁC ĐỀN VÀ LỄ HỘI ĐỀN PHỤC VỤ DU LỊCH

1.1 Khái quát về đối tượng được tôn thờ trong ngôi đền của người Việt.

Từ bao đời nay bên cạnh những ngôi chùa, đình và đền đã gắn bó với tín ngưỡng và đời sống tâm linh, với văn hóa và kiến trúc của các dân tộc Việt Nam trong quá trình dựng nước và giữ nước.

Đền là nơi thờ thần thánh hoặc là những nhân vật lịch sử được tôn sùng như thần thánh. Đó có thể là một vị minh quân, một vị anh hùng hoặc một vị thần đã có công với dân với nước.

Ngay từ thời sơ khai, trong quá trình đấu tranh chống thú dữ, khai phá thiên nhiên gian khổ, có những trở ngại lớn không dễ gì khuất phục nổi. Trong hoàn cảnh đó, xuất hiện những nhân vật tài ba có công dẫn dắt cộng đồng vượt qua khó khăn. Con người dần dần nảy sinh ý thức khuất phục và sùng bái, ý niệm tôn kính, thờ, tế thần xuất hiện. Người Việt thờ hai loại thần đó là thiên thần và nhân thần. Thiên thần là những nhân vật thần thoại có sức mạnh siêu nhiên, có tác dụng răn đe con người làm điều tốt làm điều thiện, vừa hỗ trợ con người chống lại cái ác, chống lại ngay chính những lực lượng thiên nhiên xâm hại con người như bão lụt, bệnh tật... Nhân thần là những nhân vật có thật trong lịch sử đã có công trong việc giúp dân làm ăn sinh sống, đánh đuổi giặc ngoại xâm, mở mang và giữ gìn bờ cõi. Thần là vị tài giỏi phán bảo mọi điều, mọi nhẽ. Vì vậy người ta thường nói thần kỳ là chỉ sự tài giỏi và kì lạ. Còn thánh là nhân vật huyền thoại hoặc có thực, khi còn sống có công trạng đời non, lập biển, chết hiển thánh. Thời cổ trước đây, đối với người còn sống cũng được phân ra bậc hiền là người đạo đức hoàn hảo và có một phần tài giỏi nào đó. Trên hiền là á thánh, trên á thánh là bậc thánh người có đầy đủ đức tài. Đối với người Việt, phổ biến nhất, nổi bật nhất là thần ở làng, hầu như làng nào cũng có đền, đình, miếu thờ thần. Bởi vì làng vừa là một đơn vị cư trú, là nơi tụ cư, làng cũng là đơn vị sản xuất trên phạm vi công điền, công thổ, ruộng tư nhất định, người làng, mỗi làng tự làm ăn sinh sống. Với quan niệm “đất có thổ công, sông có hà bá”, “sống

gửi hồn, chết gửi xương”, “sống khôn thác thiêng”... nên muốn lập nghiệp an cư, con người không thể không thờ thần, cầu thần phù hộ cho phong đăng hòa cốc, bồ thóc đầy voi. “Trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ” là vậy. Chính vì thế làng không thể thiếu một biểu tượng thiêng liêng, vị thần hộ mệnh để phát tin tập hợp, củng cố, bảo vệ và phát triển cộng đồng.

Mỗi làng phụng sự một vị thánh, có làng thờ 2, 3 vị, có làng thờ 6, 7 vị, gọi là phúc thần. Phúc thần chia làm ba hạng: thượng đẳng thần, trung đẳng thần, hạ đẳng thần. Tại nhiều làng, ngoài vị Thành hoàng chính thờ tại đình, còn các vị thần khác thờ tại các đền. Đền thường nhỏ hơn đình, nhưng kiến trúc cũng tương tự như kiến trúc đình, nghĩa là cũng chia ra hậu cung và nhà đại bái. Thường trong những ngày thần kỵ, trong làng có mở hội thí dân làng bao giờ cũng tổ chức lễ rước thần từ đền tới đình. Ngày nay, tại các nơi đô thị thường chỉ có đền, nên hội kỷ niệm thần linh thường tổ chức ngay tại đền.

Trong mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại các di tích lịch sử văn hóa như đền, đình là một bộ phận di sản văn hóa, vật chất do nhân dân lao động sáng tạo ra. Mặt khác, gắn liền với nó là những sự tích, truyền thuyết, tín ngưỡng,... liên quan đến sự hình thành của các di tích trong tiến trình lịch sử. Đối tượng được tôn thờ trong các ngôi đền là yếu tố quyết định nhất quyết định đến vị trí của ngôi đền trong đời sống tâm linh của người Việt.

1.2 Đặc điểm chung trong kiến trúc xây dựng đền của người Việt

Đền thờ là công trình kiến trúc được xây dựng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố. Đền vốn là chốn tâm linh bao đời của người dân Việt bởi vậy trong thiết kế và kiến trúc thể hiện rõ được nét văn hóa của người Việt

a. Về vị trí xây dựng

Người Việt vốn rất sùng bái, tôn kính và tin tưởng vào sức mạnh cũng như tâm đức của thần linh và những người có công giúp đỡ họ. Họ quan niệm rằng người ta sinh ra ở đâu thì khi chết đi hồn xác họ cũng muốn trở lại với nơi đó. Thế nên địa điểm xây dựng thường được lựa chọn ở những vị trí có liên quan đến những truyền thuyết hoặc sự tích, cuộc sống của vị thần siêu nhiên hoặc các nhân vật được tôn thờ, nơi thờ thần thánh phải được đặt vào vị thế đẹp,

có vị trí thuận lợi nhất của vùng đó để phân biệt với “đất rừng” của ma quỷ và đất làng xã của người trần tục.

b. Về kết cấu

Đại thể kiến trúc bên ngoài của đình, đền, miếu mạo có những đặc điểm cơ bản giống của kiến trúc đình chùa, nhưng nội dung thờ cúng và trang trí nội thất có khác nhau. Theo nghiên cứu thì đền chính là tiền thân của những ngôi đình làng ngày nay. Trước đây người ta chỉ biết đến đền miếu. Đền cũng chính là nơi thờ thần và những người có công với dân làng thế nên nhiều khi người ta còn không phân biệt rạch ròi giữa đền và đình. Bởi vậy về mặt thiết kế thì đền cũng tương tự như những ngôi đình làng.

Nhìn từ ngoài thì đền khá giống ngôi đình với mái cong. Người ta mô phỏng mái cong của đền giống như hình con thuyền úp ngược. Đường cong đó giúp cho ngôi đình ngôi đền trở nên thanh thoát hơn và nhiều nhà nghiên cứu đã lý giải rằng; “cong vì nó đẹp và mang ý nghĩa biểu tượng đề cao tôn linh, mặc dù khó làm hơn thẳng.”. Kiến trúc tôn giáo phương Tây xuất hiện đường cong VÒM parabol úp ngược; thể hiện quyền năng siêu phàm ở đỉnh cao vút như biểu lộ một giới hạn đóng - khép chặt bởi hai tia cong, cảm giác dồn nén, ép chặt lại vào phía bên trong rồi được thăng hoa lên đỉnh vòm... Kiến trúc tôn giáo tâm linh phương Đông ngược lại, đường cong mở không bị giới hạn bởi hướng lên trời, cảm giác nhẹ nhõm, thoát tục, như có sự nâng đỡ dẫn đến sự hướng thiên... Đường cong mang tính chất vô hướng, biểu lộ ý nghĩa giải thoát; còn đường thẳng lại có tính chất định hướng, gắn gũi với các quy chế gò bó con người trong các định lệ... Vì thế mái đình đền chùa miếu mạo được làm cong lên, phụ họa cho nội dung ý nghĩa của các thuyết lý về giải thoát con người, phù hợp với tâm lý người phương Đông.

c. Về bố cục cảnh quan

Các đền, miếu thường tuân theo thể phong thủy, như phải có minh đường, tả thanh long, hữu bạch hổ.... nhưng có khi khá đơn giản, thường theo bố cục chữ đinh (丁), chữ nhị (二),... gồm nhà tiền tế và hậu tẩm, hoặc kiến trúc chữ

công (工), chữ tam (三). Thông thường một ngôi đền thường có 3 phần đó là tiền đường, chánh điện và hậu cung. Tùy theo quy mô bề thế của ngôi đền mà đền có thêm các phần như trung đường, thiêu hương...

d. Về đồ thờ và bài trí ban thờ trong đền

Đồ thờ trong di tích của người Việt trở thành bộ phận hữu cơ giữa con người và thần linh, mối quan hệ này được thể hiện theo trục tung (con người - đồ thờ - thần linh) là sự giao tiếp giữa tầng dưới với tầng trên, giữa trần tục với linh thiêng... là công cụ trung gian để con người bày tỏ ước vọng của mình với thế giới siêu nhiên.

Bên cạnh đó, đồ thờ gắn liền với các công trình kiến trúc như đình, chùa, đền, miếu... nó thể hiện sự tương quan về kết cấu, hình dáng, phong cách và niên đại với quy mô, loại hình kiến trúc. Đó là mối quan hệ được thể hiện theo trục ngang (hoành) - mối quan hệ lịch sử giữa đồ thờ đối với di tích (con người - đồ thờ - kiến trúc). Như vậy con người được coi là chủ thể, đồ thờ là trung tâm trong môi trường buộc với di tích tín ngưỡng. Con người đã không chỉ tạo hình hài cho đồ thờ thông qua lao động nghệ thuật mà còn thổi vào nó linh hồn thông qua những hoạt động văn hóa tín ngưỡng. Ngoài ra, con người còn tạo cho đồ thờ những mối liên kết với không gian kiến trúc cùng dòng chảy của lịch sử dân tộc.

Mỗi đồ thờ thường gắn với những loại hình di tích nhất định. Tuy nhiên, một số loại đồ thờ được sử dụng phổ biến cho tất cả các loại hình kiến trúc thờ cúng mà ý nghĩa của nó cũng không thay đổi là bao. Đối với di tích Phật giáo, do có tính chặt chẽ về giáo lý, nghi thức nên đồ thờ được quy định khá chuẩn mực và ổn định về ý nghĩa tượng trưng. Đối với các di tích như đình, đền, miếu... về cơ bản cũng đã định hình trong lịch sử, ít nhất là vào thời Lê sơ, nhưng lại mang trong mình nhiều yếu tố dân gian đậm chất nông nghiệp nên đồ thờ của chúng thường khó phân định chính xác là nó thuộc không gian thờ cúng nào. Chính vì vậy, có thể bắt gặp rất nhiều đồ thờ giống nhau ở các di tích đình, đền, miếu... Bên cạnh các đồ thờ được đặt trên nhang án như: bát hương, cây đèn, lọ hoa,... còn có các đồ thờ ngoài hệ thống nhang án như linh vật (long, lân, quy,

phượng), bát bửu, chấp kích, chiêng, trống... được bài trí theo một quy chuẩn nhất định. Theo cách bài trí phổ biến trên mặt phẳng, đây là quan hệ về chiều sâu (từ ngoài vào trong, từ nhỏ tới lớn, từ thấp tới cao, từ sáng vào tối) tạo nên một trật tự về không gian trong kiến trúc. Mỗi quan hệ chiều sâu đó, một vài đồ thờ được dàn trải sang hai bên của di tích để tạo nên điểm nghỉ mắt cho người hành hương và sự phá cách cho không gian bày biện. Nếu đứng cùng hướng và ở vị trí trong sâu của di tích, có thể thấy được toàn bộ hệ thống đồ thờ từ cao xuống thấp, từ lớn tới nhỏ, từ tối ra sáng... nó tôn lên hình ảnh mờ ảo và không gian huyền bí đối với con người khi tiếp cận di tích, từ đó vai trò của vị thần được thờ cúng được linh thiêng hơn.

e. Ý nghĩa các biểu tượng và con vật trong kiến trúc đền

Ở nước ta các công trình tôn giáo tín ngưỡng thường bị ảnh hưởng lẫn nhau đặc biệt là trong kiến trúc đền, đình, miếu mạo. Bởi vậy nên các hình tượng rồng, phượng, rùa, hạc chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp trong đình, chùa, miếu mạo và các ngôi đền của người Việt. Nó vừa mang ý nghĩa tâm linh sâu sắc vừa thể hiện và phản ánh tính cách và khát vọng của người dân Việt Nam.

Hình tượng Rồng

Đối với các nước phương Đông, con rồng là kiệt tác sáng tạo nghệ thuật có lịch sử lâu đời. Trên thực tế, rồng chỉ là sản phẩm của nghệ thuật, vì nó không tồn tại trong thế giới tự nhiên mà là sự sáng tạo nghệ thuật siêu tự nhiên. Cùng với sự phát triển của lịch sử, từ lâu các nước phương Đông hình thành nên quan niệm phổ biến về con rồng, tổng hợp trong con vật linh thiêng này là trí tuệ, tín ngưỡng, niềm tin, lý tưởng, nguyện vọng, sức mạnh... Trải qua bao đời, các nhà văn, nhà thơ, họa sĩ ở mỗi nước phương Đông đã dần tạo cho con rồng trở thành biểu tượng cao quý và sức sống vĩnh hằng, có ảnh hưởng to lớn, ý nghĩa sâu sắc đối với đời sống xã hội ở mỗi nước.

Đối với dân tộc Việt Nam, ngoài nét chung nói trên, rồng còn có ý nghĩa riêng, đó là nó chỉ dân tộc Việt Nam có xuất xứ từ con rồng cháu tiên. Từ câu chuyện huyền thoại chàng Lạc Long Quân lấy nàng Âu Cơ đẻ ra bọc trăm trứng, sau nở thành một trăm người con, hình ảnh con rồng đã dần dần ăn sâu vào tâm

thức của người Việt. Hà Nội là thủ đô cả nước, với tên gọi đầu tiên: Thăng Long (rồng bay). Vùng Đông Bắc nước ta có Hạ Long (rồng hạ), một trong những thắng cảnh đẹp nhất nước. Đồng bằng Nam Bộ phì nhiêu được làm nên bởi dòng sông mang tên Cửu Long (chín rồng). Không những là biểu tượng cho xuất xứ nòi giống dân tộc Việt Nam, rồng còn là thần linh, chủ của nguồn nước, mang lại sức sống mãnh liệt, làm cho mùa màng tốt tươi. Rồng là biểu tượng của sức mạnh, chính vì vậy mà các vua chúa đã lấy hình tượng rồng đại diện cho uy lực triều đình. Thời Lê, rồng trở thành bản mệnh của nhà vua. Hình tượng rồng được thêu lên tấm áo vua mặc.

Hình tượng con Rùa

Về mặt sinh học, rùa là loài bò sát lưỡng cư có tuổi thọ cao và thân hình vững chắc. Nó có thể nhịn ăn uống mà vẫn sống trong một thời gian dài. Rùa không ăn nhiều, nhịn đói tốt nên được coi là một con vật thanh cao, thoát tục. Trên bàn thờ ở các đền chùa, miếu mạo, chúng ta thường thấy rùa đội hạc, rùa đi với hạc trong bộ đỉnh thom ngát và thanh tịnh.

Rùa tượng trưng cho sự trường tồn và bất diệt. Hình ảnh rùa đội bia đá, trên bia đá ghi lại sử sách của dân tộc Việt Nam chứng tỏ rùa là loài vật chuyển tải thông tin và văn hóa. Tuy không phải là con vật của Phật giáo, nhưng rùa cũng là biểu trưng cho sự trường tồn của Phật giáo. Trong một số ngôi chùa thời Lý – Trần, rùa được chạm thành tường bằng đá làm bộ đội bia. Dáng rùa đầu to, mập, vươn ra khỏi mai, mõm thuôn nhọn, mắt nhỏ, bốn chân khép sát vào thân mai. 82 tấm bia đã ghi tên tiến sĩ đỗ đạt được đặt trên lưng rùa, một con vật biểu hiện sự trường tồn, hiện còn lưu giữ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội là bằng chứng hùng hồn biểu hiện nền văn hiến bất diệt của dân tộc Việt Nam.

Hình tượng chim Phượng

Phượng là linh vật được biểu hiện cho tầng trên. Phượng thường có mỏ vẹt, thân chim, cổ rắn, đuôi công, móng chim cứng đứng trên hồ sen. Với ý nghĩa đầu đội công lý, mắt là mặt trời, mặt trăng, lưng cõng bầu trời, lông là cây cỏ, cánh là gió, đuôi là tinh tú, chân là đất, vì thế phượng tượng trưng cho cả vũ trụ. Khi phượng ngậm lá đề hoặc ngậm cành hoa đứng trên đài sen, nó biểu hiện

là con chim của đất Phật. Tức là có khả năng giảng về đạo pháp, làm nhiệm vụ giống như các nữ thần chim: nhảy múa, hát ca chào mừng Phật pháp.

Quan niệm của người Việt Nam cho rằng phượng xuất hiện báo hiệu đất nước được thái bình. Chim phượng là loài chim đẹp nhất trong 360 loài chim. Nó có thân hình quyến rũ, kết tinh được vẻ đẹp, sự mềm mại, thanh lịch, vẻ duyên dáng của tất cả các loài chim. Chim phượng còn tượng trưng cho nữ tính, cho phái đẹp của tầng lớp quý phái.

Hình tượng con Hạc

Ở Việt Nam hạc là con vật của đạo giáo. Hình ảnh hạc chầu trên lưng rùa trong nhiều ngôi chùa, miếu..., hạc đứng trên lưng rùa biểu hiện của sự hài hòa giữa trời và đất, giữa hai thái cực âm – dương. Hạc là con vật tượng trưng cho sự tinh tuý và thanh cao. Theo truyền thuyết rùa và hạc là đôi bạn rất thân nhau. Rùa tượng trưng cho con vật sống dưới nước, biết bò, hạc tượng trưng cho con vật sống trên cạn, biết bay. Khi trời làm mưa lũ, ngập úng cả một vùng rộng lớn, hạc không thể sống dưới nước nên rùa đã giúp hạc vượt vùng nước ngập úng đến nơi khô ráo. Ngược lại, khi trời hạn hán, rùa đã được hạc giúp đưa đến vùng có nước. Điều này nói lên lòng chung thủy và sự tương trợ giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, hoạn nạn giữa những người bạn tốt.

Hình tượng con lân

Cũng gọi là Kỳ Lân, vì con đực được gọi là Kỳ, con cái gọi là Lân. Lân có hình giống như con hươu nhưng lớn hơn, mình có vảy, đuôi giống đuôi trâu, chân giống chân ngựa, miệng rộng, mũi to, đầu có một sừng, lông trên lưng có 5 màu, lông dưới bụng chỉ có màu vàng, tánh rất hiền lành, không đạp lên cỏ tươi, không làm hại các sanh vật, nên được gọi là Nhân thú (con thú có lòng nhân từ).

Mặt trời - Mặt trăng

Hình tượng mặt trời biểu tượng cho sự chủ động và sự thống lĩnh. Mặt trời là thái dương hay đại diện cho nguyên lý thuần dương, biểu hiện của dương tính mạnh mẽ. Trong truyền thuyết Trung Hoa, mặt trời (vàng thái dương) cũng có khi là biểu tượng của hoàng đế. Môtíp mặt trời thường được sử dụng với hình tượng “lưỡng long chầu nhật”, được đắp nổi bằng vữa có gắn mảnh sành trên

nóc đình, hoặc trong các đồ án trang trí ở cửa võng. Mặt trăng là hình ảnh mang nguyên lý đối lập với mặt trời. Xét theo nguyên lý âm dương, mặt trăng mang tính thuần âm, liên quan đến phụ nữ. Mặt trăng mang lại điềm lành, hạnh phúc. Đạo giáo cho rằng, mặt trăng là nơi cư trú của chú thỏ ngọc, đang nghiền thuốc trường sinh ở gốc đa. Trong cách hiểu như vậy, mặt trăng là nơi chứa đựng nguồn sống bất tử. Trong chạm khắc trang trí đình làng mô típ mặt trời và mặt trăng có mặt trong đồ án trang trí như: lưỡng long châu nhật, lưỡng long châu nguyệt. Mô típ này thường được bố trí ở vị trí trung tâm, trang trọng, như cửa võng, bàn thờ, ở trên nóc đình, trên trán bia đá.

Đặc biệt chúng ta thấy một biểu tượng rất phổ biến trong thiết kế của các ngôi đền đó là biểu tượng lưỡng long triều nhật (hoặc lưỡng long châu nguyệt) đã được sử dụng và phát triển từ thời Nguyễn về sau. Rồng châu hoa cúc, hoa hướng dương đều là các dạng của lưỡng long triều nhật với ý nghĩa cầu trời mưa, hình tròn có ngọn lửa tượng trưng cho sấm sét, nguồn nước, mang đến mùa màng tươi tốt... Hoa cúc và hoa hướng dương cũng được sử dụng tượng trưng cho mặt trời (nhật dương).

Mây

Mây mang đến những dấu hiệu tốt lành, hạnh phúc. Đối với cư dân nông nghiệp, mây dấu hiệu báo hiệu cơn mưa. Cuộc “mây mưa” còn được ví như hành vi tính dục, có ý nghĩa phồn thực. Đối với cộng đồng, cá nhân, mây mang đến điềm báo cát tường, như mây ngũ sắc cũng có nghĩa là ngũ phúc. Khi đức Phật ra đời, có mây ngũ sắc toả ánh hào quang. Trong những lễ tế thần, người xưa quan niệm có ứng nghiệm là khi có những đám mây trắng hoặc mây ngũ sắc hiện ra. Với ý nghĩa trên, hình tượng mây được những người nghệ nhân dân gian xưa bố trí trong những đồ án trang trí cùng với Tứ linh như long vân khánh hội, long ẩn vân, phượng mây, mây nâng vòng Thái cực...

Hoa sen

Là loại cây cao quý, gắn với Phật giáo, có biểu tượng của sự cao quý, trong sạch của tâm hồn. Do mọc từ bùn nhơ, ngâm mình trong nước, vươn lên trời cao, hoa sen còn biểu tượng cho sự chân tu, thoát khỏi những hệ lụy của

cuộc đời mà có phẩm hạnh. Trong nghệ thuật tạo hình Phật giáo, chúng ta thường bắt gặp hình ảnh Đức Phật ngồi tọa thiền hoặc đứng thuyết giảng trên toà sen. “Một trong nhiều ý nghĩa bông sen được nghĩ tới là: nơi để sinh ra. Đó là một ý nghĩa bắt nguồn từ thời nguyên thủy. Chúng ta đã gặp những hiện vật của thời đó về người đàn bà, mà bộ phận để sinh ra và bộ phận nuôi dưỡng được cường điệu khá lớn, trong ý nghĩa cầu phồn thực - một mặt của hạnh phúc... Từ ý kiến trên, có thể rút ra: hoa sen mang yếu tố âm. Vì thế trong kiến trúc người ta nhìn thấy đá chân tảng chạm đài sen (âm) làm chỗ kê của chiếc cột (mang hình Linga - dương) như một sự kết hợp của âm dương trong sự cầu mong vững bền và sinh sôi nảy nở”. Hoa sen được dùng làm mô típ trang trí chủ đạo trong chùa. Trong trang trí đình làng hoa sen được sử dụng nhiều trong những ngôi đình muôn. Tuy nhiên, chúng ta bắt gặp hình hoa sen cách điệu, cây sen (hoa, lá, thân) tả thực trong hoạ cảnh tắm đăm sen trên gạch trang trí vách tường đình, các cửa đèn hay trên các bức vách của đèn.

Cây đào

Cây đào là một trong những loại cây có vị trí quan trọng trong nhiều loại hình nghệ thuật và tập quán, phong tục của nhiều nước ở phương Đông. Các nhà thực vật học cho rằng cây đào có nguồn gốc từ Trung Quốc. Loại cây này được biết như loài cây cho trái quý của chốn thần tiên, mọc ở khu vườn Tây Vương Mẫu, 3000 năm mới kết quả một lần, ăn vào sẽ “trường sinh bất lão”. Cây đào có biểu tượng phổ biến là mùa xuân, mùa bắt đầu của năm, mùa của sự phồn sinh, đem lại sinh lực và hạnh phúc mới. Hoa đào còn là biểu tượng về đẹp của người phụ nữ, nó tượng trưng cho gương mặt, cho nụ cười của người con gái đẹp. Hoa đào còn mang lại tình yêu, hạnh phúc đôi lứa (được yêu nhiều = đào hoa). Hình tượng cây đào cổ thụ mang biểu tượng của sự trường sinh. Trên cột của đình Du Hàng (Hải Phòng) cây đào được bố cục uốn lượn trong hình chữ nhật dài, bên cạnh cây tre. Trong chạm khắc trang trí đình làng và một số ngôi đền đào được cách điệu với mô típ “đào hoá lân” hoặc “đào hoá rồng”. Đây là loại mô típ có tính lưỡng nguyên: vừa là cây, vừa là vật.

Hoa cúc

Hoa cúc với màu vàng rực rỡ, thuộc hành thổ, biểu tượng cho sự giàu sang, phú quý, vương giả. Hoa cúc còn là biểu tượng của mùa thu, người xưa gọi tháng chín là “cúc nguyệt”. Chữ cúc và chữ lưu (giữ lại) đều có cách phát âm giống nhau là Ju. Tháng chín là “cửu” (Jiu) cũng đồng âm với từ “cửu” với nghĩa vĩnh cửu. Do đó, “cúc nguyệt” (cúc tháng chín) có biểu tượng là lời chúc cho sự trường thọ, an khang, nhiều may mắn. Hoa cúc còn biểu tượng cho sự an lạc, viên mãn, niềm vui. Đào Tiềm (365 - 427) là thi sỹ nổi tiếng ở Trung Quốc đã cáo quan, về ở ẩn để làm thơ, vui thú với rượu, nhạc và trồng hoa cúc. Hoa cúc là đề tài được sử dụng nhiều trong chạm khắc đình làng, và các ngôi đền dưới nhiều kiểu thức như: cúc hoa, cúc dây, cúc leo... Ở ngôi đình sớm nhất, đình Thụy Phiêu (1531), trên cột tròn vì nóc người thợ đã tạc một bông hoa cúc mãn khai khá lớn, ở những ngôi đền chúng ta thường thấy hình ảnh hoa cúc xuất hiện cùng với những loài hoa trong bộ tứ quý “tùng – cúc – trúc – mai) hay đơn giản là những bông cúc trong các họa tiết trang trí.

1.3 Đặc điểm chung trong nội dung lễ hội đền của người Việt

Theo thống kê 2009, hiện cả nước Việt Nam có 7.966 lễ hội; trong đó có 7.039 lễ hội dân gian (chiếm 88,36%), 332 lễ hội lịch sử (chiếm 4,16%), 544 lễ hội tôn giáo (chiếm 6,28%), 10 lễ hội du nhập từ nước ngoài (chiếm 0,12%), còn lại là lễ hội khác (chiếm 0,5%). Tùy theo đối tượng thờ cúng và tùy theo không gian thờ cúng người ta có nhiều loại lễ hội khác nhau: Hội chùa, hội đình, hội đền, hay miếu mạo...Đối với mỗi vùng miền, địa phương khác nhau sẽ có những sự khác nhau nhất định trong nghi thức và các cách thức tổ chức lễ hội. Hội đền cũng là một trong những hình thức lễ hội dân gian tiêu biểu nên cũng giống như những lễ hội khác thường gồm hai phần chính đó là phần lễ và phần hội.

Phần lễ:

Đây là phần nghi thức bắt buộc vào những dịp hội hè. Tế lễ bao giờ cũng chiếm một vị trí trang trọng trong ngày hội. Có những hội mà ở đó phần lễ chiếm hầu hết thời gian, ngay cả những hội lớn thì dù là năm hội lớn hay hội lệ thì việc tế lễ vẫn được tiến hành đầy đủ.

Công việc cử hành tế lễ được dân làng chuẩn bị rất cẩn thận từ nhiều tháng (thậm chí hàng năm trời) trước ngày mở hội (ví như nuôi lợn thờ). Người ta chọn ra một ban tế gồm những người đạt tiêu chuẩn nhất định về vị trí xã hội, trí thức, kinh nghiệm, gia cảnh và phẩm hạnh cá nhân. Những người ấy cần phải tập luyện rất công phu vì họ đại diện cho dân làng tiếp xúc với thần thì không phải cá nhân người đó mà cả dân làng sẽ phải chịu tội trước thần linh. Như thế ta thấy tầm quan trọng của tế lễ và những người hành lễ to lớn đến nhường nào.

Cuộc tế là dịp để người ta bằng nghi thức tôn giáo nhắc lại công lao của vị thần được dân làng thờ phụng để toàn thể trẻ già gái trai được ngưỡng mộ, ghi nhớ coi như một lần đọc lại lịch sử trước dân làng. Đồng thời đây cũng là dịp để người ta dâng lên vị thần những sản phẩm do dân làng làm ra với lòng kính trọng, với sự biết ơn về sự bảo trợ của thần do dân làng năm qua đã yên ổn và thịnh vượng. Để rồi nhân đó, người ta lại tiếp tục cầu xin thần phù hộ, giúp đỡ cho dân làng năm tới lại càng thịnh vượng và bình an hơn nữa. Cứ như vậy tạo nên một tâm lý vững vàng bước vào những thử thách mới cho tất cả cộng đồng. Đồng thời đây cũng là dịp để người ta tập hợp cộng đồng trong một niềm cộng cảm, tình đoàn kết gắn bó một cách chặt chẽ giữa các thành viên, dòng họ với nhau trước một vị thần linh chung của toàn cộng đồng. Một sự đoàn kết, cộng cảm tự giác và bền chặt. Cuộc tế thường diễn ra đầu và cuối hội với tên thường gọi là tế nhập tịch và tế rã đám.

Phần Hội

Là phần vui chơi, giải trí thư giãn của những người tham dự. Với người dân quê xưa, cuộc sống hàng ngày lam lũ vất vả, một nắng hai sương, do vậy họ có rất ít thời gian để nghỉ ngơi. Ngoài ra những dịch vụ cũng như hoạt động văn hóa cho đến ngày hôm nay ở nông thôn vẫn còn hạn chế, vì thế ngày hội là thời điểm mà họ có thể được “xả láng” đôi chút. Người ta đến hội không đơn thuần chỉ là người cưỡi ngựa xem hoa mà họ có thể thực sự tham dự như một thành viên thực thụ. Phần hội đã tạo điều kiện để cho họ thực hiện điều đó. Anh có sức khỏe, xin mời hãy vào sói vật, anh thích tranh tài có thể thi đốt pháo, bịt mắt bắt

dê, hát giao duyên... Người ta vừa là người xem vừa là người diễn một cách tự nhiên, hồ hởi.

Thêm nữa, đi hội còn được xem người, xem cảnh, các chàng trai cô gái trổ hết tài năng của mình vào những cuộc thi, mặc những bộ cánh đẹp nhất để thu hút sự chú ý của mọi người và biết bao tình duyên đôi lứa, những cuộc hẹn hò đã bắt nguồn từ đây để mùa sau “đến hẹn lại lên”, vào ngày lành tháng tốt làng mở hội, những đôi lứa khác tiếp tục nên duyên.

Đến hội người ta còn có dịp để mua bán và thử sản phẩm, chút quà kỷ niệm, một chút đặc trưng địa phương. Cũng tại đây, ngoài “một miếng giữa làng”, ngoài “lộc thánh” ban, thì việc “bóp mồm bóp miệng” quanh năm hôm nay cũng được xả láng đôi chút để ăn một bữa quà trong hội.

Vui như hội là vậy. Dù bận bịu quanh năm ngày tháng thì đến hội người ta cũng cố đi. Đi để vui, để giải trí và còn để lễ thần, cầu xin sự bảo trợ, giúp đỡ của thần cho bản thân, cho gia đình an khang thịnh vượng. Đi để được hòa mình vào cộng đồng cùng hưởng thụ và chia sẻ cả vinh dự và trách nhiệm... Đây phải chăng là những nguyên nhân thu hút bao lớp người đến hội, từ già trẻ, gái trai ai ai cũng bị hấp dẫn.

Đối với lễ hội đền đặc biệt là lễ hội để tưởng nhớ những vị anh hùng có công thì lễ hội người ta thường thấy có một sự kiện trong truyền thuyết được diễn lại. Đó có thể là sự kiện liên quan đến cuộc đời, sự kiện quan trọng nhất, nổi bật trong cuộc đời của người anh hùng. Vào ngày hội sự kiện đó được cách điệu hóa thành một cuộc chiến đấu đã được sân khấu hóa, một trò diễn hay một đám rước hay một phong tục đặc biệt nào đó. Đó là trận đánh giặc Ân hùng vĩ của Thánh Gióng ở hội Gióng, là trò cờ lau tập trận của Đinh Tiên Hoàng ở hội đền Đinh, là đám rước voi của hội đền Hai Bà Trưng, trò rước vua sống của hội đền Cổ Loa,... Những sự kiện đó được cách điệu hóa, biểu tượng hóa thành những hình tượng nghệ thuật đã khắc sâu vào lòng người.

Lễ hội nói chung là lễ hội đền nói riêng là một hiện tượng văn hóa tổng hợp trong đó các yếu tố của nó đan xem, liên kết chặt chẽ với nhau nhưng đồng thời cũng tác động, bổ sung cho nhau để tạo nên bộ mặt hoành tráng của lễ hội

mà ta còn thấy đến bây giờ. Đó là chưa tính đến những sự bồi đắp của các lớp văn hóa qua từng thời kỳ khác nhau của lịch sử.

1.4 Sơ lược về tình hình khai thác đền và lễ hội đền phục vụ phát triển du lịch

Khai thác các điểm du lịch là các ngôi đền chùa, đình miếu hiện nay đang ngày càng trở thành điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch đặc biệt là vào dịp đầu xuân. Đền không chỉ là chốn tâm linh bao đời của người dân Việt mà đó còn là nơi mà khách tham quan có thể ngắm cảnh và thưởng ngoạn.

Nếu như trước đây các ngôi đền chỉ thuần túy là nơi để thờ cúng thần linh, các anh hùng có công với nước với dân thì ngày nay những ngôi đền được chú trọng đầu tư tôn tạo về mặt cảnh quan để phục vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách. Khắp chiều dài đất nước, hầu hết các tỉnh, thành địa phương chúng ta đều có thể bắt gặp hình ảnh của những ngôi đền, lớn có nhỏ có. Theo thống kê trong cuốn “hỏi đáp về những ngôi đền nổi tiếng ở Việt Nam” do nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản năm 2009 thì cả nước có trên 500 ngôi đền được nhiều người biết đến trong đó Hà Nội vốn được biết đến với rất nhiều ngôi đền chùa nên cũng không lạ khi Hà Nội tập trung tới 90 ngôi đền nổi tiếng; bên cạnh đó Bắc Ninh có 31 ngôi đền, Hải Dương có 31 ngôi đền, Nam Định có 30 ngôi đền, Ninh Bình có 15 ngôi đền, Thanh Hóa có 36 ngôi đền, Thái Bình có 37 ngôi đền, tp HCM có 5 ngôi đền, An Giang có 5 ngôi đền, Quảng Ngãi có 5 ngôi đền, Quảng Nam có 7 ngôi đền... Như vậy chúng ta có thể thấy được mật độ của các ngôi đền. Mặc dù trải dài nhưng hầu hết những ngôi đền đều tập trung ở phía bắc.

Có những ngôi đền mang quy mô, nổi tiếng được cả nước biết đến: như đền Hùng (Phú Thọ), đền Trần (Nam Định); đền Bà Chúa Kho (Bắc Ninh), có ngôi đền nổi tiếng về sự linh thiêng được cả nước biết đến như đền Đồng Bằng, đền Bà Chúa Kho (Bắc Ninh), đền Bà Đẻ (Hải Phòng)... Có những ngôi đền có cảnh quan đẹp: đền Ngọc Sơn (Hà Nội), đền Bà Triệu (Thanh Hóa), đền thờ Tiên Dung công chúa, đền Mẫu Tây Thiên (Phú Thọ)... Cùng hàng loạt các ngôi

đền nổi tiếng: đền Chủ Đổng Tử, đền Tản Viên, đền An Dương Vương, đền Đé Thích (Hà Nội); đền Nguyễn Trung Trực, đền Thoại Ngọc hầu, đền chủ tịch Tôn Đức Thánh (An Giang); đền Bồng Lai, đền Cao, đền Đông Hải Đại Vương, đền Mạc Trọng Nguyên (Hải Dương); đền Bích Châu, đền Bùi Ngự Sử, đền Đặng Quốc Công (Hà Tĩnh)....

Hàng năm cứ mỗi độ xuân về bên cạnh những ngôi chùa là lựa chọn để người ta đi dâng hương lễ phật cầu cho một năm mới mưa thuận gió hòa, buôn may bán đắt...thì những ngôi đền cũng là điểm đến của rất nhiều du khách thập phương. Họ đi lễ đền để tạ ơn thần thánh đã giúp đỡ phù hộ họ trong suốt một năm qua, họ còn đến với đền để cầu tài cầu lộc, cầu tình duyên con cái. Ngày trước nếu nói đến đi lễ thì người ta nghĩ đến ngay đó thường là những người có tuổi, có gia đình hoặc những người làm ăn buôn bán; nhưng ngày nay đối tượng đi lễ đền chùa không giới hạn ở bất cứ tầng lớp, nghề nghiệp hay độ tuổi nào. Và điều đáng nói là ngày nay các bạn trẻ cũng rất quan tâm đến việc đi đền, chùa. Bên cạnh việc dâng hương thành kính thì văn cảnh cũng là một trong những mục đích chính trong các chuyến đi của họ

Như vậy có thể thấy đền và hội đền ngày càng đi sâu vào tâm thức của người dân đất Việt và ngày càng trở thành điểm đến của du khách bốn phương. Hoạt động khai thác các đền phục vụ cho du lịch cũng ngày càng được quan tâm đầu tư.

Lễ hội đền Hùng diễn ra hàng năm vào ngày 10/3 âm lịch được công nhận là quốc giỗ và được Unesco công nhận là di sản văn hóa của nhân loại hàng năm thu hút hàng triệu khách hành hương. Lễ hội đền Hùng năm 2013, riêng ngày 10/3 đón gần 2 triệu du khách; năm 2014 chỉ trong 3 ngày từ ngày mùng 5 đến ngày mùng 8 âm lịch đền Hùng đã đón tới gần 4 triệu lượt khách. Cho thấy sức thu hút của một hội đền mang tầm cỡ quốc gia.

Lễ hội Đền Trần năm 2013 thu hút hàng vạn khách hành hương từ khắp nơi đổ về. Năm 2014 cũng hàng vạn người lờm lượt kéo về hội.

Như vậy có thể dễ dàng nhận thấy việc khai thác các đền là lễ hội đền thu hút khách du lịch đáng kể và từ đó cũng mang lại nguồn thu đáng kể đóng góp cho sự phát triển của ngành du lịch nói chung.

Các lễ hội tại các ngôi đền vốn mang ý nghĩa tâm linh tín ngưỡng sâu sắc nhưng hiện nay lại đang có hiện tượng bị thương mại hóa, ngày càng mất đi những giá trị nguyên gốc, xen kẽ những yếu tố hiện đại, lai căng gây phản cảm cho du khách.

Vì vậy để tổ chức lễ hội dân gian vừa giữ được bản sắc văn hóa dân tộc vừa phục vụ phát triển du lịch, ngành văn hóa cần kết hợp với ngành du lịch, chính quyền địa phương rà soát lại tất cả lễ hội dân gian; có công trình nghiên cứu khoa học mang tính tổng thể về lễ hội truyền thống, phải chỉ ra được những giá trị tích cực của lễ hội, phải rạch ròi đâu là tín ngưỡng văn hóa dân gian, đâu là mê tín dị đoan, đâu là giá trị vốn có, đâu là những yếu tố lai tạp, vay mượn... Từ đó, chúng ta mới có thể lựa chọn và khai thác giá trị của lễ hội, cái nào có thể biến thành sản phẩm phục vụ đối tượng khách nào, vào thời điểm nào, ở đâu và như thế nào.

Để tổ chức lễ hội dân gian nói chung cũng như lễ hội đền vừa giữ được bản sắc văn hóa dân tộc vừa phục vụ phát triển du lịch, ngành văn hóa cần kết hợp với ngành du lịch, chính quyền địa phương rà soát lại tất cả lễ hội dân gian; có công trình nghiên cứu khoa học mang tính tổng thể về lễ hội truyền thống, phải chỉ ra được những giá trị tích cực của lễ hội, phải rạch ròi đâu là tín ngưỡng văn hóa dân gian, đâu là mê tín dị đoan, đâu là giá trị vốn có, đâu là những yếu tố lai tạp, vay mượn... Từ đó, chúng ta mới có thể lựa chọn và khai thác giá trị của lễ hội, cái nào có thể biến thành sản phẩm phục vụ đối tượng khách nào, vào thời điểm nào, ở đâu và như thế nào.

Tiểu kết chương 1

Du lịch chính là một trong những động lực đã và đang tạo ra những chuyển biến mạnh mẽ trong nền kinh tế. Nó có tác động một cách tổng hợp tới nhiều ngành kinh tế và góp phần nâng cao dân trí cải thiện đời sống xã hội.

Du lịch bao gồm nhiều hình thức và loại hình khác nhằm đáp ứng tốt nhất những đòi hỏi của du khách trong đó du lịch tâm linh là hình thức du lịch được rất nhiều người dân Việt ưa chuộng. Đó là các di tích lịch sử, các ngôi đình, ngôi chùa và không thể quên vai trò của những ngôi đền trong việc làm

phong phú hơn những lựa chọn cho du khách ưa chuộng hình thức du lịch tâm linh.

Chương 1 đã trình bày những nét khái quát về đền và tình hình khai thác lễ hội đền trong du lịch ở Việt Nam. Đưa ra nét khái quát về đối tượng được tôn thờ, những nét tiêu biểu trong đặc điểm kiến trúc xây dựng và bài trí trong đền, những đặc điểm cơ bản trong lễ hội đền của người Việt cuối cùng là sơ lược về tình hình khai thác đền và lễ hội đền phục vụ du lịch ở Việt Nam.

Đó là những cơ sở lý luận nền tảng giúp cho người đọc hiểu hơn vai trò, giá trị của những ngôi đền nói chung và tác giả tiếp tục đi sâu nghiên cứu ở một địa điểm cụ thể: cụm đền và lễ hội đền ở Tràng Kênh – Minh Đức – Thủy Nguyên.

CHƯƠNG 2: ĐÁM GIÁ CỤM ĐỀN VÀ LỄ HỘI ĐỀ Ở TRÀNG KÊNH PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

2.1 Giới thiệu khái quát về huyện Thủy Nguyên

2.1.1 Điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội

2.1.1.1 Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

Huyện Thủy Nguyên là một huyện lớn nằm bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây Nam giáp huyện An Dương Hải Phòng, phía Tây Nam là cửa biển Nam Triệu. Thủy Nguyên nằm ở cửa ngõ phía bắc thành phố Hải Phòng có diện tích tự nhiên 242 km², dân số trên 35 vạn người với 35 xã, 2 thị trấn trong đó có 6 xã miền núi.

Thủy Nguyên như một hòn đảo nằm trong vòng ôm của những dòng sông, phía tây là sông Hàn, phía Bắc là sông đá Bạc, phía đông là sông Bạch Đằng, phía Nam là sông Cấm ngăn cách huyện Thủy Nguyên với quận Hải An và nội thành Hải Phòng, ngăn cách huyện với Uông Bí – Quảng Ninh là hồ sông Giá thơ mộng.

Thủy Nguyên là huyện ven biển ở vào vị trí chuyển tiếp của hai vùng địa lý tự nhiên lớn là châu thổ sông Hồng và vùng đồi núi Đông Bắc. Địa hình Thủy Nguyên gồm địa hình đồng Bằng, đồi núi và trũng cửa sông ven biển.

b. Khí hậu

Khí hậu Thủy Nguyên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, do sự chi phối của gió mùa Đông Nam Á đặc biệt là không khí cực đới nên khí hậu ở đây chia làm 2 mùa rõ rệt, nhiệt độ trung bình là 23⁰C, độ ẩm 82 – 85%.

2.1.1.2 Điều kiện kinh tế xã hội

Bên cạnh nông nghiệp thì công nghiệp được coi là thế mạnh của huyện. Trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, trên địa bàn huyện có hơn 20 xí nghiệp, nhà máy, hàng trăm cơ sở sản xuất - kinh doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động đã tạo lập môi trường sản xuất - kinh doanh sôi động, cạnh tranh lành mạnh, góp phần giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động, tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng trên địa bàn

huyện. Cùng với những thành tựu đạt được, Thủy Nguyên còn đón nhận nhiều dự án lớn đang được đầu tư trên địa bàn như: tuyến Quốc lộ 10 từ Bến Kiền qua cầu Đá Bạc sang Quảng Ninh; nhà máy nhiệt điện 600 MW (xã Tam Hưng); Nhà máy Xi măng Hải Phòng (thị trấn Minh Đức); mở rộng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu.... Đây sẽ là những nền tảng cơ bản cho sự phát triển của Thủy Nguyên trong tương lai.

Trong phát triển kinh tế, Thủy Nguyên có tiềm năng lớn về phát triển ngành công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu biển, khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, nhiệt điện, phát triển đô thị hiện đại và dịch vụ thương mại, dịch vụ, nuôi trồng và khai thác thủy sản.

Là một trong những địa bàn được đầu tư lớn về phát triển hệ thống giao thông và dự án công nghiệp quan trọng. Huyện Thủy Nguyên là nơi hội tụ các điều kiện của vùng kinh tế động lực. Việc xây dựng và phát triển huyện Thủy Nguyên có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ với sự nghiệp xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương khác.

Thủy Nguyên ngày càng phát triển và từng bước thay da đổi thịt nhờ những chính sách đổi mới phù hợp với đội ngũ lãnh đạo năng động dám nghĩ dám làm.

Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa thông tin, thể dục thể thao từng bước được xã hội hóa phát triển khá nhanh cả về quy mô, chất lượng đạt nhiều thành tựu xuất sắc.

Với sự cố gắng của các cấp các ngành, tình hình kinh tế - xã hội Thủy Nguyên vẫn ổn định và tiếp tục phát triển đạt được các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra.

Với tất cả những chính sách và đường lối đúng đắn Thủy Nguyên hôm nay giống như một bức tranh đa sắc làm cho những ai đã từng đến rồi quay lại với Thủy Nguyên hay đặc biệt là những người con xa quê lâu ngày trở về không khỏi ngỡ ngàng trước sự thay da đổi thịt của vùng đất này. Sự phát triển không ngừng của những khu công nghiệp như Auroza, Nomoza và mới đây nhất là khu công nghiệp viship đã cho thấy sự trưởng thành của một huyện giàu tiềm năng.

Tất cả những thế mạnh kinh tế đó tạo ra cho Thủy Nguyên một tiền đề và động lực cho ngành du lịch trong việc đầu tư tôn tạo và duy tu các điểm di tích, cải thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, bộ mặt huyện sẽ đẹp hơn trong con mắt của bạn bè khi đến Thủy Nguyên và đó cũng là cơ sở cho hoạt động du lịch phát triển trên mảnh đất này.

2.1.2 Tài nguyên du lịch

2.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

Thủy Nguyên là huyện thuộc miền duyên hải hải phòng, được bao bọc bởi các con sông Đá Bạc, sông Bạch Đằng, sông Cẩm. Ở ngang huyện có hồ sông Giá thơ mộng bốn mùa nước trong xanh với trữ lượng nước trên 3 triệu m³. Hồ sông Giá là niệ tự hào của huyện Thủy Nguyên, ở đây có hệ thống nước từ thượng nguồn xuống hạ nguồn và đổ ra biển. Nơi đây đã trở thành một trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng, hoạt động thể thao và giải trí lớn của huyện Thủy Nguyên.

Thủy Nguyên có cấu trúc địa hình phức tạp, ở vào vị trí chuyển tiếp của hai vùng tự nhiên đồng bằng sông Hồng và vùng núi Đông Bắc tạo cho Thủy Nguyên sự đa dạng về cảnh quan.

b. Địa hình địa mạo

Địa hình địa mạo của huyện rất phong phú và đa dạng. Nét cơ bản của địa hình Thủy Nguyên là hai cấu trúc chính: phức nếp lồi Hạ Long và phức nếp lõm Hải Phòng. Ranh giới giữa cấu trúc này là đứt gãy sông Giá.

Dạng thứ nhất: địa hình đồi núi ở phía Bắc huyện. Gồm địa hình núi đá vôi, đồi núi đất chạy từ An Sơn qua xã Lại Xuân, Liên Khê, Lưu Kiếm, Minh Tân, Gia Minh, Gia Đức, và Minh Đức. Núi đá vôi thấp cắt xẻ mạnh. Ở phía Bắc Thủy Nguyên độ cao các đỉnh thấp hơn so với Cát Bà, nhiều đỉnh thì cao vài chục mét nhưng đặc điểm hình thái vẫn có dạng sắc nét như Cát Bà nhưng các chỉ số khác về độ dốc và độ sâu chia cắt giảm hơn. Sự có mặt của kiểu địa hình đặc sắc này giúp tạo điều kiện cho việc thu hút khách.

Địa hình hang động: Trong quá trình hoạt động của vỏ trái đất đã ban tặng cho Thủy Nguyên một địa hình karst trên cạn với nhiều hang động hấp dẫn và kì

vĩ, nhiều hang động hiện nay vẫn còn giữ được vẻ hoang sơ, có các hang nổi như hang Lương, hang Vua, hang Ma, hang Vải,... Các hang động của Thủy Nguyên phần lớn đều nằm ở phía bắc huyện. Hầu hết các hang đều có độ dài dưới 200m, các hang có độ dài lớn nhất không quá 500m. Vị trí cửa hang thường tập trung ở mức 4 – 6m, 15 – 20m, hoặc 30m, chiều rộng từ 5 – 10m và cao 10 – 18m. Các hang ở Thủy Nguyên không lớn nhưng lại rất đẹp vào có nhiều thạch nhũ đặc biệt có ý nghĩa đối với quá trình chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Bởi vậy đây được coi là một tài nguyên du lịch hấp dẫn của huyện.

b. Khí hậu

Khí hậu Thủy Nguyên mang tính chất nhiệt đới nóng ẩm gió mùa do sự chi phối của hoàn lưu gió mùa đông Nam , đặc biệt là không khí cực đới nên khí hậu ở đây chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9, mùa đông lạnh từ tháng 11 đến tháng 3. Khí hậu Thủy Nguyên chi phối bởi khí hậu của biển làm giảm bớt nhiệt độ độ ẩm. Khí hậu thường xuyên biến động bởi yếu tố nhiệt độ trong mùa đông và yếu tố mưa trong mùa hạ. Lượng mưa trung bình năm của huyện là 162mm.

c) Thủy văn

Thủy Nguyên có mạng lưới sông ngòi dày đặc bao quanh khiến Thủy Nguyên giống như một ốc đảo. Thủy Nguyên là hạ lưu sông ven biển, nước mặn từ biển xâm nhập vào làm cho hàm lượng muối Natriclorua khá lớn trong nước sông. Độ khoáng ở đây thay đổi theo mùa, mùa lũ thấp hơn so với mùa cạn.

Nước ngầm: ở thủy Nguyên ngoài nguồn nước mặt dồi dào còn có nguồn nước ngầm khá phong phú, là điều kiện tốt góp phần cho việc giải quyết nước cấp cho đô thị.

d. Tài nguyên đất

Đất phù sa nâu xám nhạt có ở Lại Xuân có khả năng trồng lúa và hoa màu. Đất phù sa thường có ở Mỹ Đồng. Đất đồi núi và thung lũng phân bố ở An Sơn, Phù Ninh, Quảng Thanh, Chính Mỹ, Kêng Giang, Lưu Kiếm, Minh Tân, Ngũ Lão có khả năng trồng lúa và hoa màu. Đất cát ven sông ven biển nằm ở các xã

đọc các dòng sông. Đất chua mặn ở phía nam huyện đất này phân bố ở ven sông, ven biển cần cải tạo.

e. Tài nguyên động thực vật

Thực vật: Thủy Nguyên có khí hậu nhiệt đới gió mùa bị chi phối mạnh bởi khí hậu của biển nên thực vật xanh tốt và sinh trưởng mạnh mẽ quanh năm. Cùng với tính chất đa dạng của các kiểu thực bì và phong phú về nguồn gen

Động vật: cho tới nay vùng đất Thủy Nguyên đã không còn những động vật hoang dã. Đó là hậu quả của một quá trình khai phá rừng hoang để mở rộng địa bàn cư trú và sản xuất của con người. Tuy nhiên vẫn còn một số động vật tồn tại và phát triển trên địa bàn Thủy Nguyên thường gặp ở các núi đá như: rắn, dê, tắc kè và các loài chim... hiện nay Thủy nguyên đang có kế hoạch phủ xanh đồi trọc, trồng các loại cây có ích và thả các động vật hoang dã để cân bằng môi trường sinh thái. Trong tương lai có thể quy hoạch nơi đây thành một khu bảo tồn thiên nhiên.

Từ đó có thể thấy tài nguyên du lịch tự nhiên của huyện Thủy Nguyên khá phong phú và đa dạng từ nguồn nước, tài nguyên đất, tài nguyên động thực vật... Với sự phong phú về tài nguyên, Thủy Nguyên có khả năng phát triển nhiều loại hình du lịch như sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng, thăm quan, thắng cảnh và du lịch cuối tuần. Nếu được đầu tư đúng hướng trong tương tương lai không xa đây sẽ trở thành nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên quan trọng cho sự phát triển của du lịch Thủy Nguyên đặc biệt phù hợp với loại hình du lịch leo núi, du lịch sinh thái.

2.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

a. Di tích lịch sử văn hóa

Thủy Nguyên vốn là một vùng đất anh hùng trong kháng chiến và có bề dày lịch sử nên ở nơi đây hiện còn lưu giữ và là mảnh đất của những di tích lịch sử khá nổi tiếng của thành phố cũng như quốc gia. Hiện huyện có 147 di tích lịch sử văn hóa trong đó có 28 di tích lịch sử được cấp hạng thành phố và 23 di tích cấp hạng di tích cấp quốc gia: đình Kiên Bái, đền thờ Trần Quốc Bảo... Và nơi đây cũng là quê hương của nhiều cảnh quan đẹp hấp dẫn phục vụ phát triển

du lịch như hồ sông Giá, sân golf sông Giá, quần thể di tích danh thắng Tràng Kênh.

b. Các loại hình văn hóa nghệ thuật

Thủy Nguyên có khá nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian đặc sắc có giá trị cao như hát chèo, hát Châu văn, hát Ca trù, đặc biệt là hát Đúm (Loại hình di sản văn hóa phi vật thể độc đáo và tiêu biểu nhất của huyện Thủy Nguyên) .

c. Các làng nghề truyền thống

Là nơi tập trung của nhiều làng nghề thủ công truyền thống có sức hút khách du lịch như làng nghề đúc đồng (xã Mĩ Đồng), làng cau (xã Cao Nhân), làng hương (xã Kiên Bái).

d. Các lễ hội

Thủy Nguyên còn là miền đất có nhiều lễ hội dân gian đặc sắc: lễ hội các xã Phù Ninh, Hợp Thành, Hoa Động, Mỹ Đồng, Thủy Triều, Kênh Giang, Hoàng Động, Đông Sơn, thị trấn Núi Đèo, lễ hội miếu Trang Vi, Lễ giỗ Ca Công (xã Hòa Bình), lễ hội các xã Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ, Ngũ Lão, Tân Dương, Gia Đức, thị trấn Núi Đèo, Minh Đức...

2.2 Giới thiệu về thị trấn Minh Đức – Thủy Nguyên

Thị trấn Minh Đức là thị trấn công nghiệp nằm về phía đông bắc huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Tổng diện tích đất tự nhiên theo địa giới hành chính là 1381,43 ha; có trên 3000 hộ dân với 13.650 nhân khẩu, có nhiều cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn.

Với vị trí địa lý quan trọng, giao thông thủy bộ thuận lợi, địa hình địa mạo đa dạng, có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, là một trong những khu công nghiệp, dịch vụ trọng điểm của huyện và thành phố. Đặc biệt thị trấn còn có vị trí quan trọng trong chiến lược phòng thủ quốc phòng an ninh. Sự thuận lợi của vị trí địa lý cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội nhanh đã có tác động lớn đến công tác quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên đất trên địa bàn thị trấn .

Thị trấn Minh Đức gồm 12 tổ dân phố: Phượng Hoàng, Hoàng Long, Hoàng Tôn, Quyết Thành, Thắng lợi, Chiến Thắng, Quyết Hùng, Quyết Tâm, Quyết Tiên, Quyết Thắng, Đà Nẵng, Bạch Đằng.

2.3 Khái quát về cụm di tích Tràng Kênh

Nhiều người cho rằng đến Thủy Nguyên mà không ghé thăm Tràng kênh thì cũng coi như chưa đến Thủy Nguyên.

Tràng Kênh có núi U Bò

Có sông Quán Đá có đò sang ngang

Cụm di tích Tràng Kênh thuộc thôn Tràng Kênh thị trấn Minh Đức – huyện Thủy Nguyên - Thành phố Hải Phòng đã tồn tại theo dòng lịch sử Việt Nam từ 4000 ngàn năm nay, nơi đây có bề dày lịch sử văn hoá, đồng thời đây còn là danh thắng với cảnh quan thiên nhiên đẹp đẽ do hệ thống núi đá vôi và sông ngòi tạo thành.

Tràng Kênh, vùng đất cổ được biết đến qua di chỉ khảo cổ học nổi tiếng, hiện còn bảo lưu trong lòng đất. Theo các nhà nghiên cứu, Tràng Kênh là một di chỉ khảo cổ học, một công xưởng chế tác đồ trang sức bằng đá lớn nhất vùng Đông Bắc Tổ quốc, có niên đại cách ngày nay gần 4000 năm, thuộc sơ kỳ đại kim khí. Từ buổi khai sơn, phá thạch, tạo dựng cuộc sống, người Tràng Kênh với bàn tay khéo léo đã chế tác ra những đồ trang sức bằng đá tinh xảo, với những vòng tay, hoa tai, chuỗi hạt đa dạng, phong phú, đầy màu sắc. Thông qua các cuộc khai quật và nghiên cứu, các nhà khảo cổ học đã kết luận rằng: Tràng Kênh cách đây gần 4000 năm đã thực sự là một công xưởng chế tác đồ đá có quy mô lớn, sản phẩm của nó không chỉ được trao đổi ở nội địa, mà còn vượt biển tới các nước Đông Bắc Á và Đông Nam .

Trong lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, Tràng Kênh - Bạch Đằng là một địa danh trọng yếu trong tuyến phòng ngự bảo vệ cửa Đông tổ quốc. Theo các nguồn sử liệu, mảnh đất này xưa vốn là xã Tràng Kênh, tổng Dưỡng Động, huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên. Vào năm 938 với chiến thắng của Ngô Quyền đã vùi chôn tham vọng xâm lăng của đại quân Nam Hán. Năm 981, vua Lê Đại Hành đã chiến thắng giặc Tống trên sông Bạch Đằng. Năm 1288, nơi

đây Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo đã lãnh đạo nhân chìm toàn bộ đạo thủy binh của đế quốc Nguyên - Mông trên con đường bành trướng xuống phương Nam. Với các địa danh đã đi vào sử sách dân tộc như núi U Bò, Hoàng Tôn, Phụng Hoàng hay cửa Bạch Đằng, nơi hợp lưu của 3 con sông đổ về, cùng các dấu tích về những trận địa cọc hay những địa danh như Áng Hồ, Áng Lác cho biết vùng đất này đã ghi dấu về một chiến trường do quân và dân triều Trần bày trận đón đánh quân thù. Những chiến công đó đã minh chứng cho trí tuệ Việt Nam, biết nắm vững và lợi dụng tài tình địa thế và chế độ thủy triều để bày ra trận địa cọc lim chủ động chờ đón địch để đưa đến thắng lợi hoàn toàn. Dấu ấn của chiến thắng là các địa danh đã đi vào sử sách như núi U Bò, Hoàng Tôn, Phụng Hoàng, các dấu tích về những trận địa cọc hay những địa danh như Áng Hồ, Áng Lác...

Tràng Kênh Bạch Đằng, một địa danh lịch sử từ lâu đã đi vào tiềm thức của người dân thành phố Hải Phòng như một ký ức không thể nào quên về chiến công vĩ đại chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta cách đây trên 7 thế kỷ. Cùng với nhiều di sản mang những nội dung lịch sử văn hoá có giá trị, Tràng Kênh vùng đất thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hoá và danh lam thắng cảnh năm 1962

2.4 Các ngôi đền ở Tràng Kênh – Minh Đức

Tràng Kênh – Minh Đức là vùng đất lịch sử gắn với bao di tích vẫn còn sống mãi với thời gian và những thắng cảnh làm bao người say lòng: cũ có, mới có nhưng những giá trị và ý nghĩa của những di tích, những thắng cảnh này là không thể phủ nhận. Đầu tiên phải kể đến quần thể di tích và thắng cảnh Tràng Kênh tiêu biểu với đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành, đền thờ Đức Thánh Trần và đền thờ Đức Vương Ngô Quyền – những người mà tên tuổi đã lưu danh sử sách muôn đời về tâm, về tài và những đóng góp lớn lao cho lịch sử, cho hòa bình và độc lập dân tộc. Ba ngôi đền cùng với ngôi chùa Tràng Kênh Trúc Lâm nằm trong một khuôn viên rộng lớn hướng mặt ra sông Bạch Đằng, lưng tựa vào núi đá Tràng Kênh được bao quanh bởi không gian ngập tràn màu xanh của bàng,

của những vườn thông, của những cây đa cây đề, khoác lên mình màu trắng sữa của những bông hoa đại phảng phất tỏa hương giữa không gian xanh mát, rồi màu đỏ của những bông phượng vốn là biểu tượng tự hào của người dân Hải Phòng. Thực sự là cảnh sắc “sơn thủy hữu tình”! Ngay từ những bước chân đầu tiên khi đi qua cổng chính cụm di tích này sẽ đưa chúng ta đến với một hành chính khám phá vô cùng thú vị. Đầu tiên là hình ảnh của cột đá lớn với dòng chữ “giang sơn vượng khí Bạch Đằng châu” (hồn thiêng sông núi tụ hội nơi sông Bạch Đằng). Càng vào sâu, càng khám phá du khách sẽ càng thấy thú vị. Ngôi đền đầu tiên mà các bạn được chiêm ngưỡng và dâng hương là đền thờ đức vua Lê Đại Hành với những đường nét kiến trúc và thiết kế cảnh quan mang lại cho người ta cảm giác giống như một ngôi đền cổ. Dọc theo con đường lát gạch đỏ với những hàng cây xanh ngắt một bên là dòng sông Bạch Đằng lịch sử, một bên là núi đá Tràng Kênh hùng vĩ các bạn sẽ đến tiếp với ngôi đền thứ 2 đó là đền thờ Đức Thánh Trần. Sau khi đã tham quan xong ngôi đền thờ danh tướng của dân tộc tiếp tục hành trình trên những viên gạch đỏ rẽ theo con đường với những cây bàng nhỏ phân cách sẽ đưa chúng ta đến với ngôi đền thờ vị tổ trùng hưng của nước Việt đó là đền thờ đức Vương Ngô Quyền.

Bước vào quần thể di tích chúng ta có cảm giác như lạc vào một khu rừng xanh trong chuyện cổ tích thắp thoáng hình ảnh của những tòa lâu đài chính là những ngôi đền uy nghi tráng lệ. Dọc đường đi là những chiếc ghé đã được đặt bên những tán cây xanh là nơi mà du khách có thể ngồi nghỉ nếu thấy mỏi chân hay có thể từ từ thưởng thức không gian nơi đây và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những ngôi đền. Một không gian sạch đẹp, trong lành, thoang thoang mùi hương khói, dịu dịu mùi hoa cỏ, man mát mùi của những chiếc lá non, gió từ dòng sông Bạch Đằng thổi vào nhẹ nhẹ, từng người từng đoàn khách thành kính dâng hương khấn nguyện trong những ngôi đền... tất cả như một bức tranh vô cùng đẹp, vô cùng hấp dẫn. Ba ngôi đền này mặc dù thờ những đối tượng khác nhau nhưng chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy những nét tương đồng trong thiết kế và kiến trúc bên cạnh những nét riêng nhất định của mỗi đền, tất cả tạo nên một quần thể kiến trúc đẹp, hài hòa nhất quán Với những ý nghĩa lịch sử và đóng góp

lớn lao của những đôi tượng được tôn thờ nơi đây khiến cho những ngôi đền này tuy chưa có tuổi nhưng lại vô cùng có ý nghĩa và giá trị.

Tiếp đến không thể bỏ qua ngôi đền cổ nằm khiêm nhường dưới chân núi đá Hoàng Tôn – nơi thờ vị tướng tài trẻ tuổi đã có công lớn trong trận chiến Bạch Đằng năm 1288 – tướng quân Trần Quốc Bảo. Ngôi Đền đã được xây dựng từ rất lâu, tồn tại cùng bao biến cố và thăng trầm cùng trầm cùng thời gian đến nay vẫn giữ nguyên những nét cổ nhất, u tịch, trang nghiêm vốn có của những ngôi đền cổ. Bao đời nay ngôi đền là nơi sinh hoạt cộng đồng của người dân vùng núi đá Tràng Kênh, là nơi để họ gửi gắm những khát nguyện trong cuộc sống đời thường: cầu công danh sự nghiệp, cầu học hành đỗ đạt, cầu tự, cầu sản xuất thuận lợi... Ngôi đền không lớn nhưng đây là điểm nhấn, là niềm tự hào bao đời của người dân vùng Tràng Kênh – Minh Đức.

Cụm đền ở Tràng Kênh – Minh Đức được xây dựng tại những thời điểm khác nhau tuy nhiên có một điểm chung lớn nhất ở những ngôi đền này đó chính là các ngôi đền được xây dựng để tưởng nhớ công đức của những con người đã có công lớn trong các trận chiến oanh liệt trên dòng sông Bạch Đằng lịch sử làm nên những trang sử vàng vẻ vang của dân tộc Việt.

2.4.1 Đền thờ Đức Thánh Trần

Nằm trong quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh đền thờ Hưng Đạo Vương được khởi công xây dựng ngày mùng 9/9 năm 2008. Ngôi đền có khuôn viên khoảng 20.000m². Đền được xây dựng để tưởng nhớ công lao của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và tri ân quan quân tướng sĩ đã hi sinh vì dân vì nước. Hưng Đạo Vương là người có công lớn quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông lần thứ 3. Ông là một vị tướng tài ba, một danh nhân văn hóa kiệt xuất với những đóng góp lớn lao cho dân tộc. Đền thờ để tưởng nhớ công đức của ông có mặt ở nhiều nơi trên cả nước. Và tại mảnh đất Tràng Kênh - Minh Đức – Thủy Nguyên ông đã từng lãnh đạo quan quân nhà Trần anh dũng chiến đấu và thắng lợi đoàn quân hung hăng của đế chế Mông Nguyên giúp đánh tan âm mưu xâm chiếm Việt Nam của đế chế này. Để

tưởng nhớ công lao to lớn đó người dân Thủy Nguyên nói chung và người dân Tràng Kênh – Minh Đức nói riêng cũng đã lập ngôi đền.

Khi đến với ngôi đền này và được gặp gỡ trò chuyện với người thủ từ ở đây tôi không khỏi bất ngờ với câu chuyện thú vị về ngôi đền này. Theo vị thủ từ “trước đây vùng đất Tràng Kênh vốn không có dân cư sinh sống mà chỉ có những người làm nghề thuyền chài đánh cá. Hàng ngày họ thả nhang cầu nguyện tại một ngôi miếu nhỏ để mong cho một cuộc sống ấm no, ổn định trong công việc. Tuy nhiên họ không hề biết lực lượng, vị thần nào đang phù hộ cho họ. Trải qua nhiều thế hệ người ta cũng không hỏi đến cũng chẳng ai hay ngôi miếu đó thờ ai chỉ biết rằng đó là một nơi rất linh thiêng.

Cũng từ sự linh thiêng đó mà có câu chuyện khá li kì về sự hình thành của ngôi đền khang trang như ngày nay mà chúng ta thấy. Năm 1997 khi mà dự án chuyển nhà máy xi măng Hải Phòng từ Hồng Bàng về vùng núi đá Tràng Kênh thuộc thị trấn Minh Đức thì ngay từ khi bắt đầu thì người ta đã đến dâng hương tại ngôi đền nhỏ đó. Cho đến năm 2004 toàn bộ dự thảo hạng mục công trình hoàn tất và cũng vào thời điểm đó nhà máy tiếp nhận giám đốc mới là ông Lê Văn Thành lên nắm quyền quản lý nhà máy. Cùng với thời gian xây dựng nhà máy thì ngôi miếu nhỏ đó cũng được tu sửa ngày càng khang trang và đẹp đẽ. Cũng có thể là do tâm linh nhưng người ta rất ngạc nhiên về sự thuận lợi của toàn bộ quá trình thi công nhà máy. Không hề có một trở ngại nào. Ông Lê Văn Thành thấy làm lạ và quyết tâm tìm hiểu về sự linh thiêng đó. Có lẽ là duyên số nên vào dịp đó ông Thành đã liên lạc được với nhà ngoại cảm Phan Thị Bích Hằng. Bà đã về khu di tích Tràng Kênh và đến nơi có đặt ngôi miếu nhỏ đó, bà cho hay đây vốn là vùng đất thiêng, vào cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông lần thứ 3 đây là trung tâm của trận đánh oanh liệt đó. Nơi đây Trần Hưng Đạo đã từng sáng suốt lãnh đạo quân dân ta chiến đấu và đây cũng là nơi nằm xuống của biết bao quan quân tướng sĩ nhà Trần cũng như là nơi tử nạn của binh sĩ phía địch. Từ ý nghĩa lịch sử đó ông muốn được dựng một ngôi đền để thờ vị danh tướng Trần Hưng Đạo. Sau những chuyến hành hương với quê hương Nam Định và những nơi có di tích thờ cúng ông để thực hiện nguyện vọng lớn lao của

mình. Sau ba năm thành tâm ông đã nhận được tin mừng từ phía bà Phan Bích Hằng đó là Hưng Đạo Vương đã hiển linh về đồng ý cho dựng đền. Ngay sau khi nhận được tin vào ngày 5/9/2008 thì dự án được chính thức bắt đầu và ngày 9/9/2008 công trình được khởi công xây dựng. Chỉ trong vòng 99 ngày với sự góp sức của 200 thợ xây dựng thì công trình đã được hoàn tất vô cùng suôn sẻ. Đá dùng để xây dựng đền được chuyển từ Ninh Bình ra. Toàn bộ kiến trúc và thiết kế của ngôi đền hoàn toàn được làm theo như sự sắp đặt của thánh nhân chứ không hề có sự can thiệp của các kiến trúc sư.

Ngôi đền hướng ra dòng sông Bạch Đằng lịch sử với tam quan cao 10m được đục đẽo từ đá liền khối với những đường nét tinh xảo mềm mại thiết kế theo kiểu kiến trúc 3 tầng mái chông diêm, phía trên ba tầng mái là hình ảnh lưỡng long triều nhật vốn là thiết kế rất quen thuộc trong kiến trúc đền của người Việt. Bên trên hai cửa phụ có ghi năm xây dựng đền (Mậu tý – 2008). Trên bốn cột đá của cửa tả và cửa hữu có chạm nổi hình ảnh hoa văn tứ quý (tùng – cúc – trúc – mai) rất tinh tế. Qua nghi môn chúng ta sẽ đến với sân tế lễ có diện tích 300m². Tiếp đó qua 5 bậc thềm sẽ đưa ta vào với chính điện của ngôi đền. Hình ảnh tiếp theo mà chúng ta bắt gặp là hình ảnh của những chiếc cửa được làm hoàn toàn bằng gỗ lim có chạm nổi họa tiết hoa văn. Bước vào bên trong ngôi đền ta sẽ thấy một không gian thờ tự trang nghiêm thành kính. Ngôi đền làm bằng gỗ thom tỏa hương ngào ngạt khắp các gian thờ, với những trang trí sơn son thiếp vàng khiến cho ngôi đền toát lên vẻ đẹp, sự linh thiêng trang nghiêm như chính vị thánh nhân được thờ ở đó. Đền thiết kế theo kiểu chữ Đinh gồm các khu: cung cấm thờ tượng đồng của ngài và cộng đồng gia tiên, trung đường thờ quan quân tướng sĩ, bên tả thờ chi vị quan văn, bên hữu thờ chư vị quan võ, hai bên trung đường có đặt hàng cháp kích để thể hiện uy quyền. Gian thờ ngoài cùng thờ công đồng các quan. Trên ban thờ có đặt các bức tượng của quan văn – quan võ, tiếp đến là lư đồng và bát hương. Hai bên ban thờ là hình ảnh rùa đội hạc ngậm hoa sen. Bên trên ban thờ chính là bức đại tự khắc 4 chữ “Son Thủy lưu đức” (ơn đức lưu truyền cùng sông núi), bên tả là bức đại tự với

4 chữ “chí tráng sơn hà”, bên hữu bức đại tự ghi “tinh minh trụ vu”. Tất cả đều nói lên ơn đức lớn lao của Đức Thánh Trần với dân tộc Việt

Công trình cùng với cảnh quan khác của vùng núi đá Tràng Kênh – sông Bạch Đằng lịch sử đã tạo thành một quần thể bề thế xứng đáng là nơi tâm linh để nhân dân cả nước thờ phụng, nơi tưởng niệm đức thánh Trần – người anh hùng dân tộc Việt Nam và là một trong 10 danh tướng của thế giới.

2.4.2 Đền thờ đức vua Lê Đại Hành

Nằm trong quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh đền thờ đức vua Lê Đại Hành được xây dựng để tưởng nhớ công đức của Lê Đại Hành và các tướng sĩ đã có công trong việc lãnh đạo và anh dũng chiến đấu đẩy lui quân Đại Tống phương Bắc. Đền thờ đức vua Lê Đại Hành gắn với chiến thắng oanh liệt năm 981. Ngôi đền được khởi công xây dựng vào năm 2009.

Nói về nguồn gốc của ngôi đền thì nó cũng gắn với một câu chuyện tâm linh khá là lý thú. Truyện kể rằng vào khoảng thời gian trước năm 2009 thì đội tuyển bóng đá của nhà máy xi măng Hải Phòng đá trận nào cũng thất bại và đội bóng cảm thấy rất là thất vọng. Nghe nói ngôi đền Tràng Kênh nổi tiếng linh thiêng nên đội bóng này đã đến đền dâng hương để cầu xin may mắn. Có điều trùng hợp đó là vào dịp đó thì đoàn tâm linh của cậu Liên cũng về với khu di tích để dâng hương. Và khi đi qua gốc đa nơi mà ngày nay có đền của đức vua Lê Đại Hành thì cậu Liên thấy có bóng của ai đó đứng mãi không rời. Khi được hỏi thì người đó tự xưng là đức vua Lê Đại Hành. Ông nói đã ở đó lâu lắm rồi nhưng không ai biết đến cũng không hề thờ tự. Nay đội bóng muốn thắng trận thì phải lập đền thờ. Câu chuyện tưởng chừng như khá là phi lý đó nhưng đội bóng lại tin tưởng và lập một ngôi miếu nhỏ để thờ trước khi xây dựng ngôi đền khang trang như ngày nay. Công ty cổ phần Trung Thủy, các doanh nghiệp, cán bộ công nhân viên chức xi măng Hải Phòng cùng với nhân dân thập phương đã phát tâm công đức xây dựng đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành. Sau đó vào tháng 6/2009 ngôi đền được khởi công xây dựng. Một điều khá là đặc biệt đó là khi người ta tiến hành xẻ núi để làm nền đất đá rơi rớt và người ta chỉ dùng 1 cái ô để che cái miếu nhưng không hề có vật gì rơi vào ngôi miếu đó. Và cũng từ

khi dựng ngôi đền thì đội bóng xi măng Hải Phòng đá trận nào thắng trận đó. Chẳng biết là may mắn hay trùng hợp ngẫu nhiên nữa nhưng ai nấy đều lấy làm lạ về những chiến tích đó. Ngôi đền xây dựng vồn vện trong vòng 3 tháng thì hoàn thành. Cũng kể từ câu chuyện đó mà người ta thêm tin tưởng vào sự linh thiêng của ngôi đền này.

Đền được xây dựng bằng gỗ lim, thiết kế theo kiểu chức Đình. Gồm các khu: bên trong là cung cấm có đặt tượng đồng của Đức Vua cao 1,76m, nặng 1,2 tấn, một bên thờ thái hậu Dương Vân Nga, một bên thờ cung phủ vương mẫu; trung đường thờ quan quân tướng sĩ, bên hữu thờ chư vị quan văn, bên tả thờ chư vị quan võ. Trên ban thờ có đặt lư hương và bát hương lớn, biểu tượng của những búp sen bông sen vàng lấp lánh làm tăng sự long lẫy cho gian thờ. Hai phía ngoài của gian trung đường là hình ảnh của giàn chấp kích. Gian ngoài cùng là nơi đặt những vật lễ của những vị khách có tâm hay người dân trong làng. Hai bên của gian thờ là hình ảnh rùa đội hạc ngậm bông sen. Phía trước đền là sân tế lễ rộng 300m². Cổng đền được thiết kế theo kiểu cổng cung đình bằng đá xanh nguyên khối cao 10m với các đường nét chạm khắc tinh xảo. Phía trên tứ trụ là hình ảnh của những búp sen vươn lên giống như người dân Việt luôn ngẩng cao đầu chẳng hề khuất phục, phía dưới là hình ảnh của những con rồng uốn lượn quấn lấy những cột đá. Trên mỗi cột đá là hình ảnh của những chú sư tử nằm phục và hai bên cổng đền là hình ảnh của hai chú voi lớn nằm hai bên như muốn canh giữ cho đức vua được yên nghỉ đời đời kiếp kiếp.

Bao quanh đền là những bức tường đá thấp với những chiếc cột nhỏ đục đẽo hình ảnh của thân trúc thân tre rất đẹp mắt.

Đền thờ đức vua Lê Đại Hành trong quần thể khu di tích và danh thắng Tràng Kênh là ngôi đền đầu tiên mà chúng ta sẽ được chiêm bái khi bước vào quần thể di tích và thắng cảnh Tràng Kênh với cảnh quan khá đẹp được tạo bởi những cây xanh và phía trước đền là hình ảnh của dòng sông Bạch Đằng anh dũng tạo cho du khách một cảm giác vừa linh thiêng vừa rất thoải mái “sơn thủy hữu tình” khi bắt đầu hành trình khám phá quần thể di tích Tràng Kênh.

2.4.3 Đền thờ đức vua Ngô Quyền

Cũng nằm trong khu di tích và danh thắng Tràng Kênh đền thờ Đức Vương Ngô Quyền được xây dựng để tưởng nhớ công đức to lớn làm nên chiến thắng Bạch Đằng nổi tiếng năm 938 kết thúc hơn 1117 năm bắc thuộc mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập tự do cho dân tộc ta. Ngô Quyền là cái tên giúp chúng ta nhớ đến trận Thủy chiến oanh liệt giúp đánh tan quân Nam Hán, ông nằm trong danh sách 14 anh hùng dân tộc tiêu biểu của Việt Nam, là vị "vua đứng đầu các vua", là vị Tổ trung hưng của Việt Nam. Đây là ngôi đền được xây dựng và hoàn thành muộn nhất trong số ba ngôi đền thuộc quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh nằm dưới chân núi U Bò.

Tại dòng sông Bạch Đằng lịch sử cách đây hơn 1000 năm về trước đức vương Ngô Quyền và quân dân ta đã lập nên những chiến công hiển hách giữ vững nền độc lập dân tộc. Để tưởng nhớ đến công lao của đức vương Ngô Quyền và tri ân các quan quân tướng sĩ đã hi sinh vì nước vì dân. Các doanh nghiệp và nhân dân địa bàn Thủy Nguyên đã khởi công xây dựng đền thờ đức vương Ngô Quyền. Ngôi đền được khởi công xây dựng vào tháng 5/2010 và sau hơn năm tháng thi công thì đến tháng 10/2010 ngôi đền đã được khánh thành và trở thành nơi để tưởng nhớ công lao to lớn của Ngô Quyền đối với mỗi người dân Thủy Nguyên nói chung cũng như người Hải Phòng và bạn bè cả nước.

Ngôi đền tọa lạc tại ngã ba sông Bạch Đằng bên dãy núi đá Tràng Kênh lịch sử. Có thể nói ngôi đền là điểm nhấn về kiến trúc và thiết kế trong quần thể khu di tích và danh thắng Tràng Kênh. Hình ảnh đầu tiên mà chúng ta bắt gặp khi đến với ngôi đền đó chính là hình ảnh của cổng ngũ môn vô cùng hoành tráng được là hoàn toàn bằng đá xanh nguyên khối được chạm khắc hoa văn của cây trúc cây mai vô cùng tinh tế, trên các trụ đá là các câu đối nói về công đức của Ngô Quyền – vị tổ trung hưng của dân tộc. Chồng lên phía trên các cột đá là hình ảnh chạm khắc chim phượng uốn lượn tạo nên nét mềm mại nhưng cũng vô cùng bề thế của chiếc cổng ngũ môn. Phía trên ngũ môn chúng ta sẽ thấy thiết kế kiến trúc theo kiểu hai tầng mái xếp chồng được tạo dáng như những chiếc thuyền cách điệu với bốn góc là hình ảnh bốn đầu rồng quay đầu vào nhau, trên

hai tầng mái lại là hình ảnh lưỡng long châu nhật vô cùng quen thuộc trong kiến trúc đền của người Việt. Qua ngũ môn chúng ta sẽ đến với sân tế lễ có diện tích 1000m². Đáng chú ý khi vào với sân tế lễ chúng ta sẽ bắt gặp hình ảnh của hai chú voi phục khá lớn nằm hai bên tả hữu của sân tế lễ được làm hoàn toàn bằng đá ong được chuyển từ làng cổ Đường Lâm vốn là quê hương của Ngô Quyền. Hai chú voi nằm phục làm cho không gian của ngôi đền trở nên trang nghiêm hơn. Việc tạo hình chú voi từ những nguyên liệu chuyển từ quê hương của Đức Vương cũng thể hiện sự tận tâm và tri ân của những người đã làm nên ngôi đền cũng như dân chúng vùng Tràng Kênh – Minh Đức với công đức của Ngài. Từ sân tế lễ nhìn lên mái đền xuất hiện trước mắt chúng ta là hình ảnh của những góc mái cong cong hình mũi hài và hình ảnh rồng phượng quần quýt chụm đầu vào nhau. Đỉnh mái lại là hình ảnh hai chú rồng châu trước mặt trời thể hiện rõ triết lý âm dương trong quan niệm của người Việt. Bước qua năm bậc thêm chúng ta sẽ đến với cửa đền được làm hoàn toàn bằng gỗ lim chạm khắc hình ảnh của tứ quý “tùng – cúc – trúc – mai”, qua cửa đền chúng ta sẽ bước vào các gian thờ chính của đền. Cũng như 2 ngôi đền thờ đức vua Lê Đại Hành và Đức thánh Trần đền thờ đức Vương Ngô Quyền cũng được thiết kế theo hình chữ Đinh gồm các khu: cung cấm thờ tượng đồng của Ngài, trung đường thờ quan quân tướng sĩ, bên tả thờ chư vị quan văn, bên hữu thờ chư vị quan võ. Ban thờ được sắp xếp khá giống với hai ban thờ ở hai ngôi đền thờ Đức Thánh Trần và Đức Vua Lê Đại Hành: cũng gồm có lư đồng, bát hương, những bông sen vàng, hai phía của gian trung đường à hai hàng chắp kích, hai phía của gian thờ ngoài cùng là hình ảnh rùa đội hạc ngậm bông sen.

Tất cả đều được chạm khắc, sơn son thiếp vàng vô cùng tinh tế tạo nên không gian thờ tự trang nghiêm nhưng cũng không kém phần lộng lẫy.

Đền thờ Đức Vương Ngô Quyền cùng với đền thờ Đức Thánh Trần và đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành và những cảnh quan khác của vùng núi đá Tràng Kênh, sông Bạch Đằng lịch sử đã tạo thành một quần thể bề thế, xứng đáng là nơi tâm linh để cả nước thờ phụng, nơi tưởng niệm Đức Vương Ngô Quyền – anh hùng dân tộc.

2.4.4 Đền thờ Trần Quốc Bảo

Ngôi đền nằm ở phía Nam chân núi Hoàng Tôn, thuộc thôn Tràng Kênh, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. vị tướng của vương triều Trần có công trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên Mông của dân tộc ta ở thế kỷ XIII. Trần Quốc Bảo là cháu gọi vua Trần Nhân Tông (1279-1293) bằng ông. Trong trận chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, 9/4/1288 Trần Quốc Bảo đã anh dũng chiến đấu nhưng bị quân mai phục nên bị thương nặng. Ngày 9/4/1288 Tướng quân Trần Quốc Bảo được các phó tướng và quân sĩ đưa về khu vực núi Áng Hồ cứu chữa, song do vết thương quá nặng nên đã tử trận. Đêm đó, phó tướng Vũ Nạp cho quân sĩ đắp một con đường nhỏ từ núi Áng Hồ đến núi Phượng Hoàng để đưa thi thể ông về an táng tại đây.

Sau khi Trần Quốc Bảo mất, nhân dân đã lập đền thờ vọng ở chân một ngọn núi trong dãy núi đá Tràng Kênh (nằm cách lăng mộ khoảng 1km); ngọn núi đó sau có tên là núi Hoàng Tôn hay Hoàng Phái. Bên tả ngôi đền là núi Mã Yên lượn vòng quanh co như rồng uốn khúc, bên hữu có núi Phượng Hoàng nguy nga muôn dặm như lớp lớp hồ châu. Phía trước là dải sông Đằng, cuộn dòng chảy siết làm phương Chu Tước (tụ thủy minh đường). Đằng sau là chín khe suối róc rách nước ngung xanh biếc hợp nguồn Huyền Vũ. triều đình nhà Trần đã truyền cho nhân dân địa phương vùng Tràng Kênh, nơi ông đóng quân và hy sinh, lập miếu thờ và truy phong làm Thái Tử. Các triều đại phong kiến tiếp theo đều thừa nhận công lao của Trần Quốc Bảo và suy tôn là Thượng đẳng phúc thần, phong sắc Thành hoàng làng Tràng Kênh

Ngày 28/4/1962, Bộ Văn hoá - Thông tin đã xếp hạng cấp Quốc gia cho Quần thể Di tích Lịch sử - Danh thắng Tràng Kênh – Bạch Đằng, thị trấn Minh Đức, trong đó có Khu Di tích đền thờ và lăng mộ Tướng quân Trần Quốc Bảo. Ngày 10/5/2002, Chủ tịch nước Trần Đức Lương đã về thăm thị trấn và trồng cây lưu niệm tại Khu di tích.

Lúc đầu ngôi đền được xây dựng khá đơn sơ với hai gian nhỏ để thờ cúng; qua các thời kỳ đã được trùng tu, tôn tạo khang trang hơn. Đến năm 1904, thì xây dựng thêm tòa Bái đường. Qua nhiều lần tu sửa nên các vết tích vật chất (thể

hiện ở kiến trúc, đồ thờ tự,...) có niên đại sớm không còn nhiều. Lần tu sửa mới đây giữ lại được các cột vì xà trong hậu cung mang phong cách nghệ thuật thời Nguyễn (thế kỷ XIX).

Đền có bố cục hình chữ 二 - Nhị, gồm có hai toà nhà song song Tiền đường và Hậu cung. Ngôi Tiền đường có kiến trúc độc đáo với 2 tầng, 8 mái đao cong, đắp hoạ tiêng trang trí linh lưỡng long, song phụng. Hậu cung là nơi đặt tượng thờ Trần Quốc Bảo.

Nổi bật nhất trong thiết kế kiến trúc của đền Trần Quốc Bảo là những đường nét cổ kính, độc đáo. Tam quan thiết kế thấp hơn so với thông thường khiến người bước vào hay ra đều phải kính cẩn cúi mình trước tôn nghiêm Thần tướng. Qua Tam quan là Bái đường kiến trúc theo kiểu “*Chông diêm 2 tầng, 8 mái*”, các bờ đao uốn cong vút với dáng vẻ thanh thoát, mềm mại. Phía trên mái được trang trí hoa văn kiểu lá lật, phượng múa, “*Lưỡng long châu nguyệt*” mang đậm nét đặc trưng văn hoá đình, đền Việt Nam; phần nóc Bái đình có bốn Hán tự lớn “*Anh Dục Tú Trung*” với ngụ ý ca ngợi đức kiên trung, anh dũng của thần tướng. Tầng mái được đỡ bởi 16 cột gỗ tròn, gồm 2 vành (vành chính 4 cột, vành phụ 12 cột) bao quanh. Chính giữa tòa bái đường là bức đại tự với bốn chữ “*Vũ phi vân hành*” (thắng như mưa giông chớp giạt) ngụ ý ca ngợi chiến thắng nhanh gọn và mạnh mẽ của nhân dân ta. Hai bên tấm hoành phi là hai câu đối “*tự cổ Trần triều vô địch tướng – Vô kim kinh thủy tối linh từ*” (Thời xưa tướng Trần là vô địch – Ngày nay đất Tràng Kênh có ngôi đền thiêng). Xung quanh Bái đường không xây tường vây mà để ngỏ 4 mặt, tạo không gian khoáng đạt, mát mẻ. Trong nội thất bài trí hương án và các đồ tế tự thâm nghiêm, phía trước có đôi hạc gỗ đứng trên lưng rùa, hai bên là bộ bát bửu tượng trưng cho sự uy nghiêm của võ tướng.

Đền thờ chính gồm hai gian nối tiếp kiểu “*Ông muống*”, gian ngoài (Tiền đường), chính giữa đặt bàn thờ sơn son thiếp vàng cùng long ngai trang trọng, hai bên thờ quan văn, võ. Bên phải tiền đường đặt tượng một viên quan Giám mã, tay dắt ngựa bạch yên cương sẵn sàng như đang chờ lệnh chủ tướng lên

đường đánh giặc. Gian hậu cung là nơi đặt tượng Tướng quân Trần Quốc Bảo. Ngài uy nghi trong bộ võ phục màu đỏ, khoác hồng bào; tay trái úp lên đầu gối, tay phải cầm lệnh bài, mắt hùm hướng về phía trước, nơi dòng sông Bạch Đằng vẫn rì rào sóng vỗ như đang đốc quân chiến đấu với quân thù, đuổi giặc ngoại xâm, bảo vệ con dân, bảo vệ sự yên bình và trường tồn cho Tổ quốc.

Trên cửa vào gian Hậu cung có bức đại tự niên đại 1886 do vua triều Nguyễn phong:

迹芳江白

Bạch giang phương tích

(với ý nghĩa sự tích sông Bạch Đằng mãi lưu truyền muôn thủa.)

Nằm phía sau Hậu cung chéch về bên trái (theo hướng từ Tam quan vào) là Nhà thờ Trần triều Quốc mẫu), cạnh đó là miếu thờ Phó tướng Vũ Nạp. Tiếp lên các bậc cao của sườn núi Hoàng Tôn có 3 ngôi miếu nhỏ, chính giữa là miếu thờ vọng Tướng quân Phạm Hữu Điều (sở dĩ là miếu thờ vọng do vào năm 1993, dòng họ Phạm ở An Hải đã sang xin phân mộ cụ về thờ tại cố hương), bên trái là miếu thờ quan Thái giám, bên phải là miếu thờ Sơn thần. Các công trình nằm phân bố theo sườn núi, nối với nhau bởi những bậc thang khúc khuỷu, cao hẹp tạo thành một hợp thể kiến trúc cổ kính, trầm mặc nằm giữa một vùng thẳm cảnh hùng vĩ, tráng lệ nổi tiếng.

Trải qua các thời kì lịch sử, sự linh thiêng của Tướng quân Trần Quốc Bảo đã được các triều đình ngưỡng vọng, sắc phong là “*Thượng Đẳng thần*”, duệ hiệu “*Minh hiển thiên tử hoàng tôn đại vương*”. Ngôi đền được phong “*Thượng đẳng tối linh từ*”; đồng thời cấp ruộng đất, cắt suất đinh trông nom, bảo vệ ngôi đền.

2.5 Lễ hội đền Tràng Kênh

Hàng năm cứ sau khi chuẩn bị đón tết truyền thống của dân tộc thì người dân vùng đất Tràng Kênh nói riêng và huyện Thủy Nguyên nói chung lại tung bừng, háo hức chờ đón lễ hội Tràng Kênh diễn ra dịp đầu xuân. Nhắc tới lễ hội Tràng Kênh là người ta nghĩ ngay đến một lễ hội có quy mô vào bậc nhất ở

huyện Thủy Nguyên được duy trì và tổ chức đều đặn hàng năm vào dịp đầu xuân lời cuốn sự tham gia của đông đảo một vùng cư dân rộng lớn Hải Phòng – Quảng Ninh – Hà Nội và du khách thập phương để tưởng nhớ vị anh hùng trẻ tuổi Trần Quốc Bảo.

Ở Tràng Kênh có khá nhiều lễ hội đền như lễ hội tưởng nhớ Trần Hưng Đạo diễn ra ngày 14/1 âm lịch, lễ hội tưởng nhớ đức Vương Ngô Quyền ngày 18/1 âm lịch, lễ hội tưởng nhớ đức Vua Lê Đại Hành ngày 8/3 âm lịch nhưng do mật độ lễ hội khá dày nên người ta thường gộp chung vào dịp đầu xuân gắn với lễ hội Trần Quốc Bảo diễn ra vào dịp đầu xuân, thường khai hội vào mùng 6 tháng giêng âm lịch và kéo dài sau đó khoảng 5 ngày. Vào dịp này du khách ở nhiều nơi đặc biệt là người dân địa phương sẽ nô nức đến với đền Trần Quốc Bảo để dâng hương tưởng nhớ công của ngài, văn cảnh đền, tham gia vào các trò chơi dân gian và không quên ghé thăm và dân hương tại quần thể các ngôi đền tại quần thể di tích và thắng cảnh Tràng Kênh nằm soi mình bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử.

Lễ hội bắt đầu vào ngày mùng 6 tháng giêng âm lịch, hội chính vào ngày mùng 7 tháng giêng và kéo dài sau đó khoảng bốn đến năm ngày. Mặc dù những ngày hội chính kéo dài chưa tới một tuần nhưng để có được một lễ hội thật rộn ràng, thật hoành tráng và trang nghiêm như chúng ta thấy thì người dân trong làng phải tiến hành công tác chuẩn bị trong vòng nhiều tháng trời có khi bắt đầu từ tháng mười âm lịch của năm trước. Đó là công tác chuẩn bị lễ vật để cúng tế, chọn người rước kiệu, người rước cờ, người tế lễ rồi chủ tế... tất cả đều tuân theo những quy tắc tuyển chọn nhất định.

Đầu tiên về chọn chủ tế: đó phải là người có chức sắc, có tư cách, có kỳ vọng và uy tín trong làng được toàn thể dân làng tôn trọng và tín nhiệm (trước đây thường do lý trưởng đảm nhiệm vai trò chủ tế). Đội tế lễ gồm 12 nam và 12 nữ (trước đây chỉ có nam mới được tham gia tế lễ tại đền), những người tham gia tế lễ phải là những người đứng đắn, có tư cách, trong sạch, không vi phạm pháp luật, không rượu chè bài bạc, là những người có quan hệ hôn nhân một vợ một chồng và tuổi từ 45 – 60 (người trẻ tuổi không được tham gia vào đội hình

tế lễ). Đội rước kiệu thánh gồm những nam thanh niên chưa vợ có tư cách đạo đức tốt. Đội rước cờ thường là nam học sinh có thành tích học tập tốt và tư cách đạo đức tốt.

Sau khi những công tác chuẩn bị đã có khoảng thời gian dài để hoàn tất thì dân làng sẽ cùng chờ đến ngày hội đền. Lễ vật để cúng tế rất tươm tất bao gồm lợn quay, bánh chưng, bánh dày, rượu cúng, xôi chè, hoa quả và vàng hương...

Vào ngày khai hội (06/1 âm lịch) người ta sẽ tổ chức lễ rước kiệu thần: sắc và bài vị của Trần Quốc Bảo sẽ được đưa lên kiệu để tiến hành lễ rước từ đền qua đình làng và đi quanh những tuyến đường lớn trong làng. Đội hình lễ rước được sắp xếp theo trật tự nhất định: đi đầu là ba lá cờ tổ quốc, tiếp đến là 20 lá cờ thần do 20 nam học sinh đảm nhiệm, theo sau là đoàn nhạc trống và đoàn nhạc bát âm, tiếp đó là hương án kèm theo các lễ vật (lợn quay, xôi, hoa quả..), đoàn sanh tiên do nữ đảm nhiệm, đoàn rước kiệu thánh - kiệu mẫu mỗi kiệu do tám thanh niên khiêng, tiếp đó là đoàn tế nam, đoàn tế nữ, theo sau là đoàn cán bộ - ủy ban và cơ quan đoàn thể của thị trấn Minh Đức và cuối cùng là sự có mặt của dân chúng.

Sau lễ rước mọi người sẽ tập trung tại sân đền để làm lễ tế thần với sự góp mặt của chủ tế và đội hình tế gồm 12 nam và 12 nữ. Sau phần tế lễ thì coi như phần lễ đã hoàn thành, khoảng thời gian tiếp theo sẽ dành cho dân chúng dâng hương và tham gia vào phần hội. Trong khoảng thời gian này có rất nhiều trò chơi dân gian diễn ra: chơi đu, cờ người, bóng chuyền nam – nữ, bóng đá, hát đúm (trước đây có hát chèo và hát tuồng). Bên cạnh đó là các tiết mục văn nghệ của dân làng thường được tổ chức vào các buổi tối.

Có một điều đáng ghi nhận ở lễ hội Tràng Kênh đó chúng ta vẫn thấy những nét truyền thống vốn có của lễ hội Tràng Kênh từ đời xưa và vẫn duy trì đều đặn trong các dịp lễ hội Tràng Kênh mà ngày nay chúng ta còn thấy. Điều đó không dễ gì có thể thực hiện được bởi cuộc sống hiện đại bận rộn, bộn bề, người ta sẽ quên đi những giá trị của lễ hội làng từ đó lễ hội bị rút gọn và rồi dần mai một theo thời gian. Đó là những cố gắng nỗ lực không nhỏ của chính quyền

Tràng Kênh – Minh Đức và cũng và ý thức bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống dân tộc của người dân vùng núi đá Tràng Kênh.

Lễ hội Tràng Kênh không chỉ đáp ứng nhu cầu văn hóa tâm linh cho các tầng lớp nhân dân mà còn có ý giáo dục lịch sử sâu sắc, góp phần củng cố thêm tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc cho các thế hệ trẻ gọi nhớ về lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.

2.6 Giá trị của hệ thống các đền trong cụm di tích Tràng Kênh

2.6.1 Giá trị lịch sử

Huyện Thủy Nguyên ngay từ xa xưa đã được biết đến với sự anh dũng kiên cường và hào hùng trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Người dân Thủy Nguyên dũng cảm trong chiến tranh và ngoan cường trong quá trình xây dựng đời sống mới. Thủy Nguyên vùng đất với bề dày chiến công hiển hách in dấu lên những di tích lịch sử đến ngày nay vẫn còn tồn tại. Đó là chùa Phương Mỹ, đình Kiền Bái, chùa Hoàng Pha... và không thể không nhắc tới các ngôi đền tại cụm di tích và danh thắng Tràng Kênh: đền thờ Ngô Quyền với chiến thắng quân Nam Hán năm 938, đền thờ đức vua Lê Đại Hành chiến thắng quân Tống năm 981, đền thờ Trần Hưng Đạo với chiến thắng quân Nguyên Mông năm 1288. Chính vì vậy khi đến với Thủy Nguyên các bạn sẽ được đến với mảnh đất lịch sử, đến với các ngôi đền ở đây sẽ giúp mỗi người hiểu thêm về một thời kì anh dũng với những chiến công oanh liệt một thời và cũng là một quá trình lâu dài đòi hỏi các thế hệ dân cư phải đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt của thời tiết. Đồng thời chịu sự tác động của các yếu tố xã hội như xâm lấn của giặc từ mọi hướng đặc biệt là phong kiến Phương Bắc. Mặc dù vậy nhưng Thủy Nguyên vẫn là một địa phương giàu truyền thống.

Trong suốt quá trình lịch sử các thế hệ cư dân Thủy Nguyên đã có những đóng góp lớn trong việc trấn ải vùng Đông Bắc của tổ quốc. Trong lịch sử con người Thủy Nguyên thể hiện được ý trí kiên cường và lòng dũng cảm làm nên những chiến thắng vang dội trong lịch sử dân tộc. Chính ý nghĩa tồn tại của những ngôi đền tại khu di tích Tràng Kênh cho thấy một Thủy Nguyên truyền thống và giá trị lịch sử to lớn của các ngôi đền kể trên.

2.6.2 Giá trị cộng đồng

Người Việt Nam vốn có lối sống và tập quán sinh hoạt làng xã, sự cố kết cộng đồng trong quan hệ của người Việt khá bền vững. Chính vì vậy những công trình công cộng thể hiện sự gắn kết cộng đồng rất được người Việt đề cao. Và những công trình thể hiện sự cố kết cộng đồng thường là những ngôi đình, ngôi chùa và đặc biệt không thể không kể đến những ngôi đền vốn là nơi sinh hoạt cộng đồng khá phổ biến của người Việt. Bên cạnh những ngôi đền chùa thì đền là nơi diễn ra những buổi văn nghệ, buổi tụ họp và những ngày hội lớn của dân làng. Nếu chùa thờ phật, đình làng thờ thành hoàng làng thì đền cũng có vai trò không kém; đây là nơi thờ những người có công với nước với dân hay đơn giản đó chỉ là đối tượng được nhân dân sùng bái và họ tin rằng những người đó sẽ mang lại may may cho họ.

Mỗi lần có hội đền thì dân làng rất phấn khởi quần áo tươm tất để tham gia hội. Đây là dịp để họ gặp gỡ, giao lưu, trao đổi thông tin và đặc biệt nói cho nhau nghe những việc đã làm được hoặc còn đang thực hiện dang dở. Đặc biệt khi tha gia lễ hội dường như ai ai cũng thấy được sự bình đẳng, không còn sự phân chia giai cấp, địa vị xã hội hay giàu nghèo hơn thiệt mà họ chơi hết mình, vui hết mình để hòa mình vào ngày hội chung. Từ đó mối quan hệ giữa họ được tăng cường và ngày càng tốt đẹp hơn. Điều đó khẳng định giá trị cộng đồng lớn lao của những ngôi đền nói chung và các ngôi đền tại cụm di tích và danh thắng Tràng Kênh nói riêng.

2.6.3 Giá trị tâm linh

Cuộc sống càng trở nên gấp gáp hơn bởi những guồng quay của đồng tiền của những sự bon chen đấu tranh vì lợi ích của bản thân mình mà người ta bỏ qua những giá trị nên có trong cuộc sống. Và đôi lúc khi giật mình nhìn lại bỗng nhiên ta thấy sao ta lạc lõng giữa cuộc đời, sao tâm hồn ta lại trở nên khô cạn đến vậy... và những lúc như thế ta cần một không gian yên tĩnh, một không gian lắng đọng đủ để cho ta bình tâm và suy xét lại mọi chuyện, để biết được ta đang đi về đâu! Và bên cạnh những ngôi chùa thì đền chính là một nơi như vậy. Đền không chỉ có sự thanh bình vốn có của chốn thờ tự mà đây còn là nơi vô cùng

linh thiêng bởi đối tượng được thờ trong các ngôi đền đều là đáng được dân làng vô cùng sùng bái.

Đền là nơi để mỗi người có thể dãi bày và trải lòng mình, là nơi để người dân gửi gắm vào đó những ước nguyện: mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, cầu sức khỏe, cầu bình an, cầu buôn may bán đắt. Cũng bởi những điều đó mà đền có giá trị tâm linh sâu sắc không thể thay đổi được.

Đối với cụm đền tại khu di tích Tràng Kênh Minh Đức Thủy Nguyên ai ai cũng cảm nhận được giá trị này. Bởi ngay từ ban đầu khi chưa có đền thờ đức vua Lê Đại Hành, đền thờ Ngô Quyền, đền thờ Trần Hưng Đạo hay đền thờ Trần Quốc Bảo thì người ta đã biết tôn thờ đối tượng rất siêu nhiên vô hình mà họ cho rằng những đối tượng đó vẫn ngày ngày dõi theo và giúp họ trong công cuộc mưu sinh.

Để tìm hiểu thêm về vị trí của ngôi đền trong đời sống của người dân địa phương tác giả đã tiến hành cuộc phỏng vấn điều tra nhỏ theo hình thức bảng hỏi đối với 30 người dân sống trên địa phận thị trấn Minh Đức. Những người được hỏi đều là những người có độ tuổi trên 18 và có nghề nghiệp khá đa dạng.

Khi được hỏi bạn có biết về đối tượng được tôn thờ tại các ngôi đền ở Tràng Kênh không? Có 33% số người được hỏi trả lời là có, còn lại là những người trả lời không biết hoặc họ cũng không quan tâm. Như vậy có thể thấy những người dân ở đây cũng như phần nhiều những người Việt đi lễ, thường thì có rất ít người quan tâm đến đối tượng được thờ cúng hay nguồn gốc của ngôi đền đó mà họ thường đi theo phong trào hay đơn giản thấy người ta bảo hay thì đến. Tuy nhiên cũng có số ít những người đi lễ một cách tích cực hơn, chủ động tìm hiểu về thông tin đi lễ đến.

Khi được hỏi bạn đến các ngôi đền này bao nhiêu lần trong năm? 100% những người được hỏi đều trả lời “nhiều hơn 3 lần”. Điều đó chứng tỏ những ngôi đền ở đây đã gắn bó với đời sống sinh hoạt của người dân địa phương.

Khi được hỏi “bạn đến các ngôi đền vào dịp nào?”. Có tới 83% số người được hỏi trả lời “bất cứ dịp nào”, 14% chọn “ngày rằm, mừng một” còn lại 3% chọn “ngày hội ngày lễ”. Như vậy có thể thấy những ngôi đền ở đây đã đi sâu

vào tiềm thức và tâm linh của người dân nơi đây. Bất cứ là việc lớn nhỏ họ đều đến đền làm lễ và cầu xin sự đồng ý, sự ủng hộ của các đối tượng được thờ tại các ngôi đền.

Khi được hỏi “bạn thường cầu xin gì khi là lễ tại đền?”. 21% trả lời “công danh”, 27% trả lời “tài lộc”, 27% trả lời “tình duyên”, còn lại trả lời “con cái”. Như vậy càng có thể khẳng định vai trò của các ngôi đền trong đời sống tâm linh của người dân địa phương. Bất cứ điều gì mà họ muốn có được họ đều cầu xin thần thánh tại các ngôi đền này.

Khi được hỏi “bạn có tin vào sự linh thiêng của các ngôi đền này không?”. có 66% trả lời “có”, còn lại trả lời “không rõ”. Hầu hết những người được hỏi đều tin tưởng vào sự linh thiêng của những ngôi đền này, điều đó cũng dễ hiểu bởi tất cả những công việc lớn nhỏ trong đời sống sinh hoạt cá nhân hay tập thể đều được họ chia sẻ với các vị thần, các đối tượng được thờ tại các ngôi đền. số còn lại vẫn chưa thực sự tin tưởng mà vẫn ở mức bán tín bán nghi.

Qua cuộc phỏng vấn nhỏ đó chúng ta có thể thấy rằng vai trò và vị trí của các ngôi đền ở Tràng Kênh trong đời sống tâm linh của người dân địa phương. Đây thực sự là nơi gửi gắm niềm tin, mơ ước, thể hiện khát vọng của người dân địa phương. Họ tin vào sự linh thiêng và ứng nghiệm của những ngôi đền nơi đây, tin vào sự phù hộ của các vị thánh, của đối tượng được thờ tại các ngôi đền để từ đó hình ảnh của các ngôi đền này ăn sâu vào tiềm thức và trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống, trong sinh hoạt của người dân địa phương.

2.6.4 Giá trị văn hóa

Mỗi công trình kiến trúc đều thể hiện được tư tưởng và vị trí tồn tại nhất định đặc biệt là những công trình mang tính chất cộng đồng. Đền không chỉ phản ánh những nét đẹp ở ý nghĩa lịch sử, ý nghĩa cộng đồng và ý nghĩa tâm linh sâu sắc hơn thế nữa nó còn có nhiều giá trị về mặt văn hóa.

Đầu tiên phải kể đến sự phản ánh giá trị văn hóa thông qua hệ thống các đối tượng được tôn thờ trong đền: thờ những người có công với nước với dân thể hiện tư tưởng uống nước nhớ nguồn, thờ các đối tượng và lực lượng siêu nhiên thậm chí cả những vật vô tri vô giác như thần núi, thần sông thể hiện tư

tưởng vạn vật hữu linh, người Việt vốn coi mọi vật đều có linh hồn và khi họ thờ phụng họ thì họ cũng sẽ được phù hộ, thờ thần mặt trời, thần gió thần mưa thể hiện tư tưởng tôn sùng tự nhiên....

Tiếp theo phải kể đến các nét chạm khắc trong kiến trúc đền: đó là hình ảnh con rồng uốn lượn hiên ngang ngẩng cao đầu thể hiện cho giống nòi Rồng Tiên và ý trí quật cường không bao giờ cúi đầu trước khó khăn của người Việt, đó là hình ảnh “lưỡng long triều nhật” thể hiện rõ triết lý âm dương trong tư tưởng người Việt.

Cũng phải kể đến những ý nghĩa các con vật được thờ trong đền của người Việt như con hạc thể hiện sự thanh cao, con rùa tượng trưng cho sự trường tồn bất diệt...

Và tiếp đó là các đối tượng khác như mây, gió, mặt trời...tất cả đều có ý nghĩa nhất định và thể hiện được tư tưởng chung của người Việt.

Một khía cạnh văn hóa khác được thể hiện thông qua việc người Việt luôn có thói quen đi lễ đền chùa đầu năm để cầu xin may mắn. Vì vậy khi đi đến những điểm đó họ thường phát tâm công đức, hay chuẩn bị đồ lễ khá chu đáo để thể hiện sự thành tâm. Qua đó cũng cho thấy người Việt có tồn tại tư tưởng”có qua có lại”

Không chỉ có vậy các ngôi đền thờ nhụng vị anh hùng dân tộc, những người có công đánh đuổi giặc ngoại xâm như các ngôi đền ở Tràng Kênh – Minh Đức còn là nơi giáo dục về lòng yêu nước cho muôn đời sau, để khơi dậy niềm tự hào dân tộc luôn luôn tồn tại trong mỗi người con đất Việt.

Qua những điều đơn giản đó thôi thì phần nào tính cách người Việt và văn hóa của người Việt đã được phản ánh khá rõ ràng.

2.6.5 Giá trị kiến trúc

Đây là giá trị nổi bật mà chúng ta có thể nhận thấy khi đến với ngôi đền thờ vị danh tướng trẻ tuổi Trần Quốc Bảo. Trải qua bao lần trùng tu và sửa chữa nhưng ngôi đền vẫn giữ lại được nguyên dạng như ban đầu không hề thay đổi. Việc lựa chọn những vật liệu thay thế từ những cây cột, cây kèo hay nhỏ hơn là những viên ngói cũng được thực hiện rất cẩn thận.

Ấn tượng nhất của ngôi đền chính là cổng đền rất thấp. Nếu như ngày nay những chiếc cổng chùa, cổng đình hay cổng đền được xây mới một cách quy mô, hoành tráng thì ngôi đền thờ Trần Quốc Bảo với cổng tam quan thấp, nhỏ, rêu phủ lại gây không ít xúc động cho du khách khi đến với đền. Cổng tam quan của ngôi đền thể hiện được quan niệm, cũng như sự sùng bái, tôn trọng đối tượng được thờ trong ngôi đền vì vậy người xưa quan niệm khi vào đình vào đền là phải ra luôn vào cúi. Cổng đền Trần Quốc Bảo cũng đã được sửa chữa nhiều lần nhưng không hề tác động đến kích thước và dáng vẻ vốn có của nó. Ngôi đền tuy nhỏ nhưng tạo cho mỗi người khi bước đến đó chính là cảm giác u tịch, lắng đọng thanh thản của một chốn tâm linh để rồi khi dâng hương làm lễ thánh người ta có cảm giác như trút bỏ được hết những ưu phiền bực dọc của cuộc sống. Đó là ý nghĩa của giá trị kiến trúc cổ mà ngôi đền vẫn giữ được cho đến ngày nay.

2.7 Thực trạng hoạt động du lịch của các đền ở Tràng Kênh

2.7.1 Thực trạng hoạt động du lịch

Với những ý nghĩa lịch sử to lớn và ý nghĩa cộng đồng, ý nghĩa tâm linh cũng như giá trị văn hóa không thể nào chối bỏ của các ngôi đền tại khu di tích Tràng Kênh thì có thể khẳng định đây là một tiềm năng rất lớn về du lịch. Tuy nhiên hiện nay ngành du lịch Thủy Nguyên nói chung cũng như chính quyền ủy ban nhân dân thị trấn Minh Đức nói riêng vẫn chưa khai thác hết những tiềm năng lợi thế vốn có của các ngôi đền này.

Về nguồn khách: phần lớn đối tượng khách tham quan đến đây là người dân địa phương hay trong địa bàn huyện hoặc một số địa phương gần đó. Gần đây thì các ngôi đền này thu hút được sự chú ý của những bản tin du lịch của đài phát thanh và truyền hình Hải Phòng. Cũng đã có một số nhà nghiên cứu và tín ngưỡng thờ Ngô Quyền hay thờ Trần Hưng Đạo đã tìm đến Tràng Kênh để nghiên cứu.

Ba ngôi đền: đền thờ đức Vương Ngô Quyền, đền thờ đức vua Lê Đại Hành và đền thờ Đức Thánh Trần thuộc quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh nằm trong một khuôn viên khá rộng lớn, với cảnh quan núi sông hữu tình,

muôn cây xanh tốt thực sự là một không gian đẹp, hấp dẫn; đền thờ Trần Quốc Bảo nằm ngay dưới chân núi Hoàng Tôn tồn tại lâu dài cùng bao mưa nắng thời gian cũng là một nơi đầy mời gọi... nhưng thực tế chúng ta chưa thấy hết được giá trị của nó.

Mặc dù cái tên Tràng Kênh là một cái tên rất quen thuộc nhưng khi hỏi về các ngôi đền ở đây thì số người biết khá ít và số người đã từng đến đó càng ít đặc biệt là 3 ngôi đền còn khá mới (muộn nhất là đền thờ Ngô Quyền mới khánh thành năm 2011).

Số lượng khách đến với các ngôi đền này chưa nhiều, hầu hết chỉ vào dịp đầu xuân vào lễ hội đền Tràng Kênh và kéo dài đến hết 3 tháng xuân. Khoảng thời gian sau đó vẫn có những đoàn khách ghé thăm nhưng số lượng rất ít và rải rác. Các dịp khác: thường vào dịp tuần rằm thì người dân địa phương và số ít những khách ở khu vực lân cận cũng đến hành hương.

Tuy nhiên cũng không thể phủ nhận rằng ngày càng có nhiều người biết đến khu di tích Tràng Kênh với các ngôi đền vẫn ngày ngày soi bóng bên dòng sông Bạch Đằng lịch sử. Hoạt động du lịch ở nơi này đang được duy trì và từng bước đẩy mạnh các biện pháp nhằm thu hút khách hơn nữa.

2.7.2 Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch bao gồm hệ thống điện nước, dịch vụ vận chuyển, hệ thống thông tin liên lạc, cơ sở phục vụ ăn uống và dịch vụ vui chơi giải trí.

a. Hệ thống điện nước: là một thị trấn công nghiệp nặng được ưu tiên hàng đầu đặc biệt là sự có mặt của 2 nhà máy xi măng lớn của Hải Phòng đó là công ty xi măng Chinfon hải Phòng và công ty xi măng Vicem Hải Phòng nên ở Minh Đức hệ thống điện khá tốt đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân địa phương và phục vụ hoạt động du lịch. Về hệ thống nước sinh hoạt: nếu như trước kia hầu hết nguồn nước được dùng là nước mưa và nước giếng khoan nên nguồn nước ở đây khá là ô nhiễm không đảm bảo sức khỏe nhưng từ khi hệ thống nước máy được đưa vào để phục vụ thì nguồn nước ở đây được cải thiện đáng kể.

b. Dịch vụ vận chuyển: Thủy Nguyên là một huyện khá phát triển về mọi mặt kinh tế và Minh Đức cũng là một trong 2 thị trấn tiêu biểu của Thủy Nguyên nên hệ thống giao thông ở đây khá hoàn thiện đặc biệt các phương tiện vận chuyển ở đây cũng khá tốt. Hệ thống xe khách, xe buýt lưu thông thông trên địa bàn huyện khá nhiều từ xe 5 chỗ đến những xe cỡ lớn 45 chỗ. Bởi vậy có thể đáp ứng tốt việc đưa đón và đi lại của khách trong việc di chuyển trong địa bàn huyện cũng như đến với Tràng Kênh – Minh Đức.

c. Hệ thống thông tin liên lạc: huyện luôn đảm bảo việc đảm bảo thông tin thông suốt. Đặc biệt trong thời đại công nghệ thông tin như ngày nay thì hầu hết các gia đình đều đã có điện thoại và phần lớn đều có máy tính có nối mạng internet, các hộ kinh doanh dịch vụ internet ở địa phương cũng khá phổ biến đáp ứng kịp thời nhu cầu liên lạc của du khách.

d. Về cơ sở lưu trú và ăn uống: hiện nay trên địa bàn huyện hầu hết chỉ có những khách sạn nhỏ, nhà nghỉ và nhà trọ bình dân dành cho khách du lịch và thị trấn Minh Đức cũng chỉ dừng lại ở những nhà nghỉ nhưng nhìn chung vẫn có thể đáp ứng được nhu cầu nghỉ ngơi ngắn ngày của du khách. Về dịch vụ ăn uống tuy chưa thực sự tốt nhưng vẫn có những quán ăn khá ngon, lịch sự phục vụ nhiệt tình tạo cho khách cảm giác thoải mái nhất khi sử dụng dịch vụ ăn uống ở Minh Đức – Thủy Nguyên.

2.7.3 Công tác quản lý và tổ chức khai thác

Khi đến với khu di tích và danh thắng Tràng Kênh cũng như đền thờ Trần Quốc Bảo bạn có thể nhận thấy công tác quản lý ở đây khá tốt. Đặc biệt là đền thờ Trần Hưng Đạo, đền thờ Ngô Quyền và đền thờ Đức vua Lê Đại Hành mặc dù chưa thuộc sự quản lý của thị trấn Minh Đức nhưng ban quản lý ở nơi đây đã thực hiện sự quản lý rất có trách nhiệm.

Công tác hướng dẫn khách khi hành hương tại các đền được đảm bảo tốt. Không có khách nào đốt hương bên trong đền mà nghiêm chỉnh thực hiện dâng hương ở bát hương lớn bên ngoài sân đền và việc hóa vàng hóa sớ cũng được thực hiện đúng nơi quy định.

Việc sử dụng tiền công đúc và dâng hương khách vào việc duy tu và nâng cấp các ngôi đền được thực hiện một cách hợp lý không hề tự phát.

Việc vệ sinh tại các ngôi đền này thực sự là một nỗ lực không nhỏ của những người có trách nhiệm ở đây và không thể không kể đến sự đóng góp của khách du lịch tham quan. Mặc dù xung quanh đền là những cây xanh vẫn ngày ngày trút bỏ lá hay vẫn có những vị khách thiếu ý thức xả rác nhưng các vị thủ từ ở đây không hề than vãn mà vẫn giữ cho môi trường nơi đây được trong sạch tạo cho du khách một cảm giác vô cùng trong lành, vô cùng xanh mát và vô cùng sạch sẽ trên mỗi bước hành trình khám phá các ngôi đền này.

Nếu như ở các địa điểm du lịch khác đặc biệt là đền chùa thì chúng ta sẽ dễ dàng bắt gặp hình ảnh của những người bán vàng, bán hương, quà bánh rồi lợi dụng để lôi kéo chặt chém khác nhưng khi đến với các ngôi đền ở Tràng Kênh các bạn sẽ được đến với một không gian thờ tự thuần túy đúng nghĩa.

Vào khoảng thời gian đông khách hành hương đặc biệt vào dịp diễn ra lễ hội Tràng Kênh thì công tác tổ chức quản lý ở đây càng phát huy hiệu quả. Việc bố trí những người hướng dẫn khi khách gửi xe từ bên ngoài cổng để vào dâng hương vẫn cảnh, việc hướng dẫn khách thắp hương, chỉ cho khách các khu vực tham quan được thực hiện rất tốt.

Về công tác tổ chức khai thác thì chính quyền địa phương cũng đang có kế hoạch đầu tư và xây mới thêm một số công trình để công tác tổ chức đón khách được tốt hơn.

Đặc biệt vào tháng 11/2013 đồng chí thủ tướng chính phủ đã về thăm khu di tích Tràng Kênh, trông kênh lưu niệm tại quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh. Cũng vào dịp đó thủ tướng đã đề xuất việc xây dựng một cây cầu nối liền quần thể danh thắng với dãy núi U Bò để du khách có thể chiêm ngưỡng vẻ đẹp của quần thể di tích

Với lợi thế là một di tích lịch sử cấp quốc gia – đền thờ Trần Quốc Bảo và nằm trong một quần thể di tích danh thắng – đền thờ Ngô Quyền, đền thờ vua Lê Đại Hành và đền thờ Trần Hưng Đạo với cảnh quan thiên nhiên đẹp và ý nghĩa lịch to lớn cùng với sự tổ chức quản lý và khai thác một cách khoa học hợp lý sẽ

tạo điều kiện tốt hơn nữa cho hệ thống các đền tại vùng đất Tràng Kênh lịch sử ngày càng được nhiều người biết và đến. Nơi đây sẽ trở thành một điểm đến hấp dẫn, nó không chỉ là niềm tự hào của người dân Tràng Kênh – Minh Đức, niềm tự hào của người dân Thủy Nguyên mà còn là niềm tự hào của tất cả mọi người.

2.7.4 Đánh giá thuận lợi và khó khăn của cụm di tích

Thuận lợi

Là một huyện có tiềm năng lớn về du lịch – Thủy Nguyên cũng tạo ra những tiền đề cơ bản cho sự phát triển du lịch ở Tràng Kênh Minh Đức đó là hệ thống giao thông của huyện khá tốt với quốc lộ 10 chạy qua huyện, có cây cầu Bính nối trung tâm thành phố Hải Phòng với huyện, có cầu Kiền nối huyện An Dương với huyện, cầu đá Bạc nối Thủy Nguyên với Uông Bí – Quảng Ninh, hơn nữa tuyến đường từ trung tâm huyện đến với Minh Đức khoảng 15km khá tốt giúp cho việc di chuyển của khách được dễ dàng.

Thủy Nguyên là một huyện có bề dày truyền thống đấu tranh và có rất nhiều các di tích lịch sử, các điểm đến thú vị tạo ra hệ thống các chuỗi điểm đến, các mắt xích nối những ngôi đền ở Tràng Kênh với các điểm đến hấp dẫn khác làm cho du khách không cảm thấy nhàm chán và cũng có nhiều cơ hội để khách có thể đến với Tràng Kênh. Không chỉ có vậy bản thân vùng đất Tràng Kênh – Minh Đức đã là một quần thể với rất nhiều di tích, nhiều điểm đến đẹp là một lợi thế lớn để phát triển du lịch trên địa bàn.

Xét về độ hấp dẫn thì ta có thể nhận thấy vùng núi đá Tràng Kênh kết hợp với dòng sông Bạch Đằng lịch sử tạo nên một bức tranh với cảnh sắc thiên nhiên làm mê đắm lòng người. Bốn ngôi đền với bốn vị anh hùng dân tộc, bốn câu chuyện về tài cầm quân tài lãnh đạo gợi lên biết bao tri tò mò của những người say mê khám phá tìm hiểu. Nơi đây có tiềm năng để phát triển nhiều loại hình du lịch hấp dẫn như du lịch tâm linh, du lịch tham quan hay du lịch tìm hiểu khám phá. Như vậy đây có thể coi là một điểm đến khá hấp dẫn cho khách du lịch.

Về thời gian hoạt động du lịch: xét về hệ thống các đền, do đây là tài nguyên du lịch nhân văn nên có thời gian hoạt động du lịch trải dài trong năm. Ngoài khoảng thời gian đông khách nhất vào dịp lễ hội đầu xuân thì khoảng thời

gian tiếp theo vẫn thu hút sự quan tâm của nhân dân và du khách thập phương đến với đền ở Tràng Kênh. Như vậy có thể thấy thời gian hoạt động du lịch ở đây là rất dài. Tuy nhiên xét về mặt lễ hội thì cũng như hầu hết các lễ hội đền, chùa ở Việt Nam, lễ hội đền ở Tràng Kênh cũng chỉ diễn ra vào dịp đầu xuân – đây được coi là thời điểm du khách đến với đền Tràng Kênh đông nhất.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng du lịch: mặc dù giao thông ở đây tương đối hoàn chỉnh và dân được nâng cấp, các phương tiện thông tin liên lạc, vận chuyển và hệ thống điện nước đã đáp ứng được yêu cầu du lịch nhưng các cơ sở ăn uống hay vui chơi giải trí còn rất nghèo nàn chưa đáp ứng được hết nhu cầu của du khách nên nếu đánh giá ở góc độ này thì các ngôi đền ở đây chỉ đạt được mức “trung bình” (có một số cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật nhưng chưa đồng bộ, chưa tiện nghi).

Cùng với lãnh đạo huyện Thủy Nguyên thì thị trấn Minh Đức cũng có những mục tiêu và định hướng trong những năm tới là không ngừng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa kết hợp nhiều loại hình du lịch tạo ra sức hấp dẫn cho du khách nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển du lịch Tràng Kênh – Minh Đức. Từng bước đưa du lịch trở thành một ngành quan trọng trong nền kinh tế bên cạnh đẩy mạnh phát triển công nghiệp nặng là mục tiêu của huyện và của thị trấn Minh Đức.

Công tác quản lý tổ chức, và quản lý khai thác ở đây tốt.

Chính quyền địa phương vẫn tiếp tục đầu tư và sử dụng nguồn tiền công đức của khách hành hương phục vụ cho việc bổ các ngôi các ngôi đền ngày càng khang trang hơn xứng đáng với tiềm năng du lịch và ý nghĩa lịch sử to lớn của những ngôi đền nơi đây.

Khó khăn

Vấn đề nổi cộm đầu tiên mà du khách cảm thấy khó chịu khi đến với Tràng Kênh đó chính là vấn đề khói bụi từ hai nhà máy xi măng lớn của Hải Phòng xả ra trên tuyến đường vào với Tràng Kênh đặc biệt vào những ngày hanh khô thì càng trở nên nghiêm trọng hơn. Con đường dẫn đến Tràng Kênh bị bao phủ bởi lớp bụi dày và cả lớp bụi trong không khí khá là nghiêm trọng. Đây là một vấn đề lớn

nhưng không dễ gì giải quyết được. Vào những ngày gió Nam bụi sẽ theo gió bay xa nhưng những ngày ngược gió bụi sẽ thổi vào các ngôi đền tại quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh gây khó chịu cho du khách và mất vệ sinh.

Tiếp đến là vấn đề ô nhiễm tiếng ồn. Tiếng máy nổ, tiếng băng chuyền, rồi tiếng khai thác đá... Tất cả gây ra tiếng ồn lớn cho Tràng Kênh.

Vấn đề tiếp theo phải kể đến đó là các ngôi đền trong quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh còn khá mới mẻ với nhiều người nên số lượng khách đến đây chủ yếu là người dân địa phương.

Mặc dù có nền kinh tế khá phát triển nhưng Thủy Nguyên vẫn chỉ là một huyện ngoại thành vì vậy cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng vẫn chỉ có thể dừng lại ở 2 từ “tương đối”. Hơn nữa trên địa bàn huyện không có những cơ sở đào tạo nghiệp vụ lễ hành, nghiệp vụ khách sạn nên việc phục vụ chưa có tính chuyên nghiệp. Đội ngũ nhân viên làm việc trong các khách sạn được đào tạo ở trình độ đại học còn ít chủ yếu là trình độ trung cấp. Nó tạo ra một thách thức lớn đối với việc phát triển du lịch ở Thủy Nguyên nói chung và Minh Đức nói riêng.

Tiểu kết chương 2

Cụm đền và lễ hội đền tại Tràng Kênh – Minh Đức – Thủy Nguyên bao gồm đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành, đền thờ danh tướng Trần Hưng Đạo, đền thờ đức Vương Ngô Quyền và đền thờ vị anh hùng trẻ tuổi Trần Quốc Bảo không chỉ là niềm tự hào của người dân vùng núi đá Tràng Kênh mà còn là niềm tự hào của mỗi người dân thị trấn Minh Đức, của người con Thủy Nguyên, của Hải Phòng và ngày càng thu hút sự quan tâm của du khách trong khắp cả nước.

Mỗi ngôi đền tại cụm di tích thờ một đối tượng khác nhau, có những nét chung và riêng trong thiết kế và bài trí, có khoảng thời gian xây dựng khác nhau nhưng nhìn chung những ngôi đền này đều có giá trị và ý nghĩa to lớn gắn liền với những chiến thắng oanh liệt trên dòng sông Bạch Đằng lịch sử. Cụm đền ở đây mang các giá trị về mặt lịch sử, tâm linh, văn hóa, giá trị cộng đồng và giá trị kiến trúc sâu sắc thể hiện được mọi mặt của đời sống xã hội, phản ánh những nét đẹp trong tổ chức cộng đồng và sinh hoạt của làng quê Việt.

Mặc dù là một địa phương đầy tiềm năng du lịch nhưng thực trạng hoạt động du lịch tại đây lại chưa tương xứng với tiềm năng cả về quy mô, loại hình du lịch và cả số lượng khách. Bên cạnh những thuận lợi nhất định thì cụm đền ở đây vẫn còn rất nhiều khó khăn và vẫn chưa khai thác một cách hiệu quả nhất những tiềm năng du lịch của các ngôi đền tại Tràng Kênh..

Đề đền ở Tràng Kênh trở thành một điểm đến du lịch hấp dẫn thu hút khách hơn nữa cần đến những giải pháp mang tính chất kịp thời và cả những chương trình và kế hoạch có tính dài hạn.

CHƯƠNG 3: ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM KHAI THÁC CÓ HIỆU QUẢ CỤM ĐỀN VÀ LỄ HỘI TRÀNG KÊNH NHẪM PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1 Giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả hệ thống các đền và lễ hội Tràng Kênh phục vụ phát triển du lịch

Có thể nói rằng: “đền thờ là công trình công cộng mang tính chất cộng đồng có ý nghĩa lớn trong đời sống của người Việt. Nó là trồn tâm linh, là nơi sinh hoạt tập thể và là nơi diễn ra những sự kiện lớn của một địa phương nói riêng và rộng hơn còn mang ý nghĩa cấp nhà nước”.

Đến với mỗi ngôi làng Việt đặc biệt làng quê Bắc Bộ bạn có thể thấy được hình ảnh thân thuộc của những ngôi đền trong tâm thức và trong sinh hoạt của người dân quê. Có những ngôi đền là những di tích lịch sử mang ý nghĩa và vai trò lớn lao, có những ngôi đền là nơi thể hiện tinh thần cố kết cộng đồng và có những ngôi đền là nơi để du khách có thể dâng hương văn cảnh... nhưng có một điểm chung đó là hầu hết các ngôi đền Việt dù mới hay cũ cũng vẫn giữ được những nét truyền thống trong kiến trúc và ý nghĩa nhất định trong tâm thức người Việt.

Tuy nhiên không phải tự nhiên mà những ngôi đền nói riêng hay những công trình tập thể có thể tồn tại với thời gian và ngày càng trở nên sạch đẹp hơn, bề thế hơn mà đó là do sự nỗ lực hết mình của ban quản lý, của người dân địa phương và sự đóng góp không nhỏ của du khách bốn phương khi đến với các điểm du lịch, các khu di tích trong công tác bảo tồn, tôn tạo và nâng cấp tài nguyên du lịch.

Hơn thế nữa mảnh đất Tràng Kênh – Minh Đức là một vùng đất lịch sử anh hùng đã viết lên bao trang sử vẻ vang cho dân tộc, đã làm nên bao chiến công oanh liệt mang lại chủ quyền cho dân tộc. Đền ở Tràng Kênh chính là nơi tưởng nhớ, ghi nhận những chiến công và những vị tướng tài có công với nước với dân. Bởi vậy mà càng cần những giải pháp thiết thực nhất để có thể bảo tồn, giữ gìn, cải tạo và góp phần quảng bá hình ảnh của ngôi đền đến với nhiều

người hơn nữa để đền Tràng Kênh có thể xứng tầm với ý nghĩa lịch sử lớn lao của nó.

3.1.1 Giải pháp cải tạo và bảo vệ môi trường

Tiếng ồn và ô nhiễm khói bụi là hai vấn đề lớn nhất của khu di tích Tràng Kênh – Minh Đức nhưng lại rất khó để có thể giải và càng không thể giải quyết triệt để bởi Minh Đức gắn liền với công nghiệp sản xuất xi măng. Đây chính là ngành kinh tế chính giúp mang lại nguồn thu cho người dân trong vùng và rất nhiều lao động khác hơn thế nữa đây cũng là ngành kinh tế trọng điểm của thành phố nên để có một biện pháp nhằm giải quyết triệt để hai vấn đề này có thể nói là không tưởng. Bởi vậy chúng ta chỉ có thể yêu cầu và đề xuất với ban quản lý các nhà máy đang hoạt động ở đây nên có trách nhiệm với môi trường. Họ cần trích một phần trong lợi nhuận để sử dụng cho việc thuê lao động dọn dẹp và bảo vệ môi trường, vào những ngày hanh khô có thể bố trí các xe tưới nước dọc các tuyến đường lớn để phân nào giảm lượng bụi trong không khí, quan trọng nhất là phải đầu tư các trang thiết bị hiện đại để có thể giảm thiểu lượng khói bụi thải ra môi trường. Đầu tư cho các loại máy móc hiện đại để có thể giảm bớt tiếng ồn ra xung quanh đảm bảo cuộc sống cho người dân địa phương, hạn chế những tác động không tốt cho khách du lịch khi đến với Tràng Kênh. Đây có thể nói là một bài toán khó, một vấn đề vô cùng nan giải, là chiến dịch mang tính dài hạn và là thách thức lớn đối với ban quản lý các nhà máy ở đây cũng như chính quyền địa phương đòi hỏi tính trách nhiệm, sự vào cuộc một cách đồng bộ của tất cả những người có liên quan.

3.1.2 Giải pháp tuyên truyền quảng bá hình ảnh

Như đã trình bày ở trên thì chúng ta đã biết Tràng Kênh – Minh Đức không phải là cái tên mới mẻ hay ngôi đền thờ Trần Quốc Bảo khá nổi tiếng thì cái tên đền thờ đức vua Lê Đại Hành, đền thờ Đức Thánh Trần, đền thờ đức vương Ngô Quyền ở đây thì không phải ai cũng biết đến bởi vậy cần phải có các biện pháp, các chương trình và cách thức quảng bá nhằm giới thiệu làm cho mọi người biết đến những ngôi đền này và ý nghĩa của nó là vô cùng cần thiết. Đây có thể coi là một trong những giải pháp quan trọng nhất mang tính chất quyết

định trong quá trình đưa hình ảnh và tên tuổi của những ngôi đền nơi đây đến gần hơn với mọi người và được nhiều người biết đến.

Điều mà các đền thuộc khu di tích Tràng Kênh đã làm được đó là trên mỗi tờ chứng nhận công đức có đưa vào đó là lịch sử hình thành, kết cấu và ý nghĩa của ngôi đền đó đối với khu di tích và đối với cộng đồng điều đó góp phần giúp cho người ta hiểu thêm một phần về điểm đến của họ. Bên cạnh đó tại các ngôi đền còn có những tấm biển thể hiện sơ đồ và tranh ảnh về ngôi đền mà khách đang ghé thăm.

Ban quản lý các đền cũng có thể thông tin cho khách du lịch bằng cách cho phát trên hệ thống loa phát thanh của đền những thông tin cụ thể về ngôi đền.

Nhưng như vậy là chưa đủ để cho nhiều người biết đến và hiểu hơn về những ngôi đền ở đó nếu như không trực tiếp ghé thăm. Cần phải có những biện pháp thiết thực và mang tính phổ biến hơn nữa. Để nhiều người hơn nữa biết đến các ngôi đền Tràng Kênh cần phải biên soạn, phát hành các ấn phẩm chính thức giới thiệu về các ngôi đền tại Tràng Kênh. Không những thế cần có tờ chỉ dẫn để thông tin cho khách du lịch những thông tin cần thiết về điểm đến như giới thiệu về các ngôi đền, các điểm tham quan có thể ghé thăm, thông tin về các nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, thông tin về các tuyến xe và điều kiện giao thông khi đến các ngôi đền này. Cũng có thể cho phát các tờ rơi quảng cáo phát miễn phí cho khách khi ghé thăm hoặc tổ chức phát tờ rơi tại các điểm nhiều người qua lại.

Tiến hành thực hiện các bài phóng sự, các phim tài liệu về lịch sử, kiến trúc, ý nghĩa của các ngôi đền, điểm độc đáo hấp dẫn nhằm thu hút sự quan tâm, chú ý của mọi người.

3.1.3 Giải pháp bảo tồn tôn tạo di tích

Đối với các kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng đặc biệt là đối với đền chùa thì việc giữ lại những nét truyền thống trong kiến trúc là vô cùng quan trọng, nó giúp mang lại cảm giác gần gũi, thân thuộc cho mỗi người khi đến với nơi đó. Đền thờ Đức vua Lê Đại Hành (xây dựng năm 2009), đền thờ Ngô Quyền (xây dựng năm 2011) và đền thờ Trần Hưng Đạo (xây dựng năm 2008) là những ngôi đền rất mới tại khu di tích Tràng Kênh vì vậy việc giữ được những nét cổ truyền

của đền Việt trong quá trình xây dựng đền đã là rất khó thì hiện nay việc giữ gìn bảo tồn những nét kiến trúc trong quá trình tu sửa để những ngôi đền đó không bị lai căng là một vấn đề lớn cần được chú trọng. Đối với đền thờ Trần Quốc Bảo – di tích lịch sử đã được xếp hạng và trải qua bao biến cố, bao biến động của thời gian và bao lần trùng tu tôn tạo để ngôi đền vẫn giữ được những nét cổ nhất trong kiến trúc thì đây thực sự là những cố gắng đáng ghi nhận của ban quản lý đền. Những ngôi đền với kiến trúc truyền thống, những nét trang trí và họa tiết hoa văn hài hòa, cách bài trí ban thờ, cách bày trí các biểu tượng truyền thống có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố sẽ mang lại những cảm nhận tích cực trong lòng du khách.

Để có thể làm được điều này thì vai trò quan trọng nhất thuộc về sự chỉ đạo của ban quản lý đền và sự giám sát tích cực của những người trong ban giám sát khi tiến hành tu bổ lại các ngôi đền. Đối với các ngôi đền cổ (đền thờ Trần Quốc Bảo) thì cần có sự đóng góp ý kiến của những nhà chuyên môn để có thể tiến hành chọn vật liệu thay thế và tổ chức thi công để có thể giữ lại nguyên trạng những nét kiến trúc vốn có.

3.1.4 Giải pháp thu hút vốn đầu tư

Để có thể tiến hành bảo tồn và tôn tạo các ngôi đền tại khu di tích Tràng Kênh thì đầu tiên phải kể đến nguồn vốn đầu tư. Trong khoảng thời gian xây dựng 3 ngôi đền: đền thờ đức vua Lê Đại Hành, đền thờ đức Vương Ngô Quyền và đền thờ đức Thánh Trần thì nguồn kinh phí chủ yếu là do cán bộ công nhân viên nhà máy xi măng Hải Phòng đóng góp cùng với sự góp công góp của của người dân Tràng Kênh Minh Đức. Nhưng để có thể duy trì việc bảo tồn và tôn tạo những ngôi đền ở đây để chúng không bị xuống cấp, không bị hư hại theo thời gian để có thể khai thác phục vụ phát triển du lịch một cách lâu dài thì chỉ nguồn vốn địa phương đó là không đủ mà cần sự đóng góp của nhân dân trong huyện, thành phố và cả du khách thập phương.

Tuy nhiên việc thu hút nguồn vốn, sự đóng góp trong xã hội không phải là việc đơn giản. Đây là thách thức không hề nhỏ đối với việc khai thác các giá trị của các ngôi đền trong cụm di tích Tràng Kênh. Thiết nghĩ cách tốt nhất để có

thể thu hút được sự tham gia đóng góp trong quần chúng nhân dân và du khách thập phương đó là tích cực đầu tư cho cơ sở hạ tầng, đảm bảo môi trường và không gian thoáng sạch tại các ngôi đền mang lại sự thoải mái, đáp ứng được nhu cầu tâm linh cho du khách, sử dụng nguồn ngân sách mà nhân dân công đức cho việc trùng tu và sửa chữa đền lúc đó mọi người sẽ có ý thức hơn trong việc đóng góp cho việc bảo tồn và tôn tạo các ngôi đền ở nơi này.

Việc đặt các hòm công đức hoặc các bàn ghi công đức tại các đền cũng là một cách thu hút được sự đóng góp của nhân dân và khách hành hương.

Bên cạnh đó cần có những kế hoạch, dự án đầu tư tôn tạo một cách hợp lý, đúng thời điểm, đúng mục đích để có thể huy động được nguồn vốn từ nhân dân địa phương và có thể huy động được ngân sách của huyện, của thành phố và cả ngân sách nhà nước.

3.1.5 Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

Du lịch là một ngành kinh tế tổng hợp, là ngành dịch vụ, người làm du lịch đóng vai trò như vị đại sứ góp phần quảng bá hình ảnh của những điểm đến, những danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước đến bạn bè trong và ngoài nước, người làm du lịch cũng giống như những người phục vụ trực tiếp mang lại những ấn tượng tốt hay không tốt đối với khách du lịch khi đến với các điểm tham quan. Chính vì vậy đối với những người làm du lịch đòi hỏi trình độ phục vụ, phong cách, thái độ và cách giao tiếp ứng xử với khách đặc biệt là các thuyết minh viên, hướng dẫn viên và lễ tân tại các nhà hàng, khách sạn.

Nhưng chúng ta có thể thấy đây là điểm yếu đối với du lịch Thủy Nguyên nói chung và du lịch tại Tràng Kênh – Minh Đức nói riêng. Khi đến với các ngôi đền tại cụm di tích Tràng Kênh chúng ta chưa thấy sự có mặt của của đội ngũ hướng dẫn viên hay thuyết minh viên để thông tin cho khách du lịch hay giải đáp những thắc mắc cho khách khi đến đó. Do đó phát triển nguồn nhân trong ngành du lịch ở Thủy Nguyên là vấn đề bức thiết và cần thiết phải thực hiện trong khoảng thời gian tới để du lịch Thủy Nguyên có thể phát triển một cách đúng hướng và ngày càng chuyên nghiệp hơn nữa. Cần có một chương trình, kế

hoạch đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên đang hoạt động trong ngành:

Cần đào tạo lại nguồn nhân lực đang hoạt động trong ngành để nắm được những kiến thức chuyên, nắm được những nghiệp vụ cơ bản để đáp ứng những yêu cầu cơ bản của công việc.

Tiến hành tuyển chọn đội ngũ nhân viên mới: những người được đào tạo một cách chuyên nghiệp tại các trường đại học, cao đẳng, và các trường nghề - người đã nắm được những kiến thức cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ.

Tiến hành phân loại trình độ nghiệp vụ để biết được khả năng của mỗi người để từ đó có thể tiến hành đào tạo lại hay thay thế những người thích hợp hơn.

Cử cán bộ, ban quản lý, những người có trình độ tham gia các cuộc trao đổi kinh nghiệm, học hỏi kinh nghiệm phục vụ, kinh nghiệm tổ chức để từ đó có thể tiếp thu và áp dụng vào việc quản lý tại các đền ở Tràng Kênh.

3.1.6 Giải pháp xây dựng các chế tài quy định cụ thể đối với du khách và dân cư sở tại

Đối với các điểm tham quan du lịch sẽ không tránh khỏi sự có mặt của những người thiếu ý thức và trách nhiệm chung. Họ sẽ là những nhân tố tạo ra những gây ra những đánh giá không tốt đối với du khách khi đến với các điểm du lịch. Tuy nhiên có một điều mà khách du lịch khá hài lòng khi đến du lịch với Tràng Kênh đó là sự quản lý chặt chẽ, sự vệ sinh trong không gian cảnh quan tại các đền. Nhưng để có thể duy trì được điều đó không phải là vấn đề đơn giản. Hơn thế nữa lại không có những quy định rõ ràng cụ thể về các hành vi cố ý vi phạm các quy định tại các điểm du lịch.

Bởi vậy các ngôi đền tại Tràng Kênh cần có những quy định về mức xử phạt và các chế tài cụ thể với những hành vi xâm phạm đến những hiện vật tại các đền hay những hành vi xả rác bừa bãi ảnh hưởng đến cảnh quan chung tại các đền. Nên có những mức phạt cụ thể đối với các hành vi sai trái để nâng cao ý thức của người dân cũng như khách du lịch. Nếu việc này được thực hiện một cách nghiêm túc, đúng đắn thì sẽ mang lại những rõ ràng tích cực.

3.2 Một số kiến nghị với các tổ chức nhằm bảo tồn tôn tạo và khai thác có hiệu quả đối với các công trình trong cụm di tích Tràng Kênh và lễ hội Tràng kênh

3.2.1 Đối với sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng

Ban hành các biện pháp cụ thể về phát triển du lịch tại hệ thống các đền trên địa bàn huyện Thủy Nguyên nói chung

Tổ chức đào tạo lại nguồn nhân lực thiếu chuyên môn nghiệp vụ hoặc đào tạo nguồn nhân lực mới có trình độ sẽ tham gia hoạt động du lịch và kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên để phát triển đa dạng các loại hình du lịch trên địa bàn huyện.

Có những biện pháp thiết thực nhằm giải quyết tốt vấn đề môi trường tại các điểm du lịch trên địa bàn huyện Thủy Nguyên.

Nâng cao hiểu biết cho du khách về lịch sử và ý nghĩa của các điểm du lịch trên địa bàn huyện Thủy Nguyên bằng các biện pháp tuyên truyền quảng bá, kêu gọi...

3.2.2 Đối với phòng văn hóa thể thao và du lịch huyện Thủy Nguyên

Có các biện pháp thiết thực để giải quyết vấn đề môi trường tại các điểm tham quan di tích.

Cần có các biện pháp nhằm quảng bá hình ảnh của các điểm du lịch hấp dẫn đặc biệt là các điểm du lịch nhân văn như đền, đình, chùa...

Kêu gọi sự tham gia của du khách và dân địa phương trong việc bảo vệ, giữ gìn vệ sinh tại các điểm đến trên địa bàn huyện .

Cùng với các trường học trên địa bàn huyện thực hiện chương trình “trường học thân thiện – học sinh tích cực” để tạo điều kiện cho các em học sinh tiếp cận được với các di tích đồng thời tham gia là vệ sinh tại các khu di tích để từ đó bản thân các em tự ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với các thắng cảnh và di tích tại địa phương.

3.2.3 Đối với chính quyền thị trấn Minh Đức – Thủy Nguyên

Chính quyền thị trấn Minh Đức là những người trực tiếp quản lý các di tích tại địa phương mình hơn nữa đây lại là nơi có mật độ các điểm du lịch đặc biệt là các di tích lịch sử khá dày vì vậy để đảm bảo phát triển du lịch bền vững và đạt hiệu quả cao cần phải có sự liên kết chặt chẽ giữa các cấp các ngành có liên quan: sở văn hóa thông tin, bưu điện, tài chính, y tế, môi trường... để khai thác một cách hiệu quả nhất đảm bảo môi trường du lịch lành mạnh cho khách du lịch.

3.3 Xây dựng tour du lịch khai thác cụm đền và lễ hội đền ở Tràng Kênh

a, Tour du lịch khám phá Thủy Nguyên: 2 ngày 1 đêm

Ngày 1

7h30: xe đón khách tại trung tâm thành phố Hải Phòng và khởi hành về Thủy Nguyên ghé thăm một số làng nghề truyền thống ở đây.

8h10: xe có mặt tại làng nghề làm hương (xã Kiên Bái), khách được tham quan và tìm hiểu về các công đoạn và cách người làng làm ra những nén hương thơm.

9h30: quý khách có mặt tại làng nghề đúc đồng (xã Mỹ Đồng), cùng xem những người thợ đúc đồng ở đây làm ra những sản phẩm phục vụ cho đời sống sinh hoạt của chúng ta đặc biệt là phục vụ cho sản xuất nông nghiệp

12h30: ăn trưa tại nhà hàng ở Mỹ Đồng.

14h00: xe di chuyển và đưa chúng ta đến với làng cau Cao Nhân. Đến đây chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng những vườn cau ngút ngàn tầm mắt và bạn sẽ có cơ hội được thưởng thức món cau sây rất hấp dẫn.

16h00: quý khách lên xe và đến với Tràng Kênh Minh Đức

17h00: quý khách nhận phòng khách sạn và nghỉ ngơi. Ăn tối tại nhà hàng. Buổi tối quý khách có thể tự do vui chơi và đi bộ.

Ngày 2

7h00: quý khách ăn sáng tại nhà hàng

8h00: quý khách khởi hành thăm quan các ngôi đền ở núi đá Tràng Kênh: dâng hương tại đền Trần Quốc Bảo, khám phá quần thể di tích và danh thắng

Tràng Kênh với ba ngôi đền: đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành, đền thờ Trần Hưng Đạo, đền thờ Đức Vương Ngô Quyền. (quý khách được tự do khám phá và chụp ảnh)

12h00: quý khách làm thủ tục trả phòng sau đó ăn trưa tại nhà hàng

14h00: xe đưa quý khách về trung tâm thành phố HP và kết thúc hành trình.

b, Tour du lịch khám phá lễ hội Tràng Kênh (1 ngày – mùng 6 tháng giêng âm lịch)

Lễ hội Tràng Kênh là lễ hội lớn nhất của Huyện Thủy Nguyên được tổ chức vào dịp đầu Xuân.

7h00: xe đón đoàn tại trung tâm thành phố Hải Phòng khởi hành đến Tràng Kênh - Minh Đức – Thủy Nguyên

7h45: quý khách có mặt tại đền thờ Trần Quốc Bảo - Tràng Kênh và chuẩn bị tham gia và lễ rước – nghi lễ được mong chờ nhất của lễ hội.

8h00: quý khách tham gia vào đoàn rước cùng với tất cả dân làng.

10h00: quý khách trở lại để làm lễ dâng hương tại đền Trần Quốc Bảo và có thể tham gia vào các trò chơi dân gian rất thú vị ở đây

11h30: quý khách dùng bữa trưa tại nhà hàng

13h00: quý khách ghé thăm và làm lễ tại cụm di tích và danh thắng Tràng Kênh với 3 ngôi đền: đền thờ Lê Đại Hành, đền thờ Trần Hưng Đạo, đền thờ Ngô Quyền và chùa Tràng Kênh Trúc Lâm.

14h30: quý khách xe đưa quý khách trở trung tâm thành phố Hải Phòng kết thúc hành trình.

Tiểu kết chương 3

Với những giải pháp và kiến nghị được đưa ra hi vọng rằng sẽ góp phần khai thác giá trị các ngôi đền tại Tràng Kênh – Minh Đức một cách hợp lý đảm bảo sử dụng và khai thác hết những tiềm năng mà cụm đền ở Tràng Kênh có để phục vụ phát triển du lịch. Để có thể thực hiện tốt những biện pháp đã đề ra và giải quyết những kiến nghị đã đề xuất cần sự chung tay của các cấp các ngành liên quan đặc biệt là chính quyền, nhân dân thị trấn Minh Đức và ban quản lý các ngôi đền tại Tràng Kênh.

KẾT LUẬN

Là một người con của Thủy Nguyên, sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Thủy Nguyên đầy truyền thống văn hóa nhưng bản thân tôi cũng như nhiều người Thủy Nguyên khác lại vô tình không biết đến những truyền thống lịch sử vẻ vang, của những di tích và danh thắng của vùng đất đã nuôi lớn mình, qua lần tìm hiểu đề tài khóa luận “khai thác cụm di tích và lễ hội đền ở Tràng Kênh – Minh Đức – Thủy Nguyên phục vụ phát triển du lịch” đã cho tôi cơ hội được tìm hiểu thêm, hiểu rõ hơn về truyền thống và những trang sử hào hùng của nơi mà mình đã sinh ra và lớn lên.

Một ngôi làng Tràng Kênh không lớn nhưng lại mang trong mình bao chiến tích, nơi còn lưu giữ biết bao thắng cảnh bao di tích vẫn còn nguyên giá trị đến tận ngày nay và cả đời sau. Tìm hiểu về mảnh đất Tràng Kênh – Minh Đức ta như lật lại từng trang sử chói lọi của dân tộc với ba trận chiến oanh liệt trên dòng sông Bạch Đằng lịch sử, nơi lưu danh của những vị tướng tài, những người có công lớn với lịch sử dân tộc đến muôn đời. Đó là đức Vương Ngô Quyền – vị tổ trùng hưng của dân tộc Việt, người đã có công lớn khi là người đầu tiên làm lên chiến thắng Bạch Đằng năm 938 chấm dứt 1117 năm Bắc thuộc, mở ra một kỉ nguyên mới- kỉ nguyên độc lập lâu dài cho dân tộc. Đó là Đức vua Lê Đại Hành người đã có công lãnh đạo quân sĩ tái tạo chiến thắng Bạch Đằng lần thứ hai năm 981- người có công đánh Tống bình Chiêm xây dựng Đại Cồ Việt đứng bên đại Hán. Đó là Hưng Đạo Vương đã làm lên chiến thắng Bạch lần thứ ba đập tan dã tâm xâm lược nước ta của mộng làm bá chủ thế giới của đế chế Mông Nguyên mở ra nên văn hóa Đông A rực rỡ. Đó là vị tướng tài ba trẻ tuổi Trần Quốc Bảo đã không tiếc hi sinh thân mình trong trận thủy chiến năm 1288 để rồi tên tuổi của ông lưu danh sử sách muôn đời trong sự tôn thờ và kính phục của muôn dân đất Việt.

Tất cả những ngôi đền thờ các vị danh tướng kể trên đều có những ý nghĩa nhất định trong đời sống cộng đồng và trong lịch sử dân tộc. Đó là những chứng tích, là sự công nhận, ghi nhớ và tri ân của nhân dân đối với các vị anh

hùng có công với nền độc lập dân tộc. Đây cũng là nơi gợi nhớ, nơi để giáo dục cho thế hệ trẻ về những giai đoạn lịch sử đầy máu lửa và cũng vô cùng oanh liệt để từ đó bồi đắp thêm lòng yêu nước và lòng tự tôn dân tộc đối với thế hệ trẻ.

Với hệ thống các đền với lối kiến trúc truyền thống kết hợp với cảnh quan thiên nhiên đẹp đã và đang được khai thác phục vụ cho mục đích du lịch. Đến nơi đây chúng ta sẽ cảm nhận được một cách chân thực nhất, sinh động nhất về cuộc sống của người dân làng quê Việt. Tuy nhiên Thủy Nguyên nói chung và thị trấn Minh Đức nói riêng vẫn đang trên đà phát triển vì vậy còn khó khăn về nhiều mặt nên việc đáp ứng cho sự phát triển du lịch chỉ mang tính chất tương đối và vẫn cần phải đầu tư rất nhiều.

Hơn thế nữa do sự phát triển không ngừng của nền kinh tế thương mại rất dễ dẫn đến mai một các giá trị, những nét đẹp truyền thống vốn có của những ngôi đền và lễ hội đền truyền thống bởi vậy cần có những chính sách và biện pháp kịp thời hợp lý để có thể vừa khai thác có hiệu quả các ngôi đền phục vụ cho du lịch đồng thời cũng phải chú trọng công tác giữ gìn và bảo tồn để không mất đi những nét truyền thống đáng quý của những ngôi đền nơi đây.

Nếu đã từng đến Thủy Nguyên mà chưa ghé thăm các ngôi đền ở Tràng Kênh – Minh Đức quả là một thiếu sót rất đáng tiếc cho mỗi người. Đến với Tràng kênh – Minh Đức các bạn sẽ thấy được cuộc sống của những con người Thủy Nguyên bình dị, chất phác, thấy được một vùng quê đã và đang mang bao chiến tích vĩ đại của cả dân tộc. Để rồi các bạn sẽ thấy một Thủy Nguyên hấp dẫn đến vô cùng bởi đây là vùng đất im đậm những chiến thắng oanh liệt, viết lên những trang sử vàng cho dân tộc và bởi vì đây còn là vùng đất của những con người phóng khoáng, nhiệt tình, tài hoa, khéo léo, luôn sông hết mình và biết trân trọng những giá trị đích thực và không bao giờ bỏ quên quá khứ hào hùng mà cha ông đã dùng xương máu để làm nên. Với những giá trị về mặt lịch sử, kiến trúc, văn hóa, cộng đồng... đây xứng đáng là một điểm đến, sự lựa chọn sáng suốt cho du khách khi đến với Thủy Nguyên.

PHỤ LỤC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Trần Quốc Vượng chủ biên – NXB giáo dục)
2. Đất và người Thủy Nguyên (UBND huyện Thủy Nguyên – 1989)
3. Hải Phòng di tích và danh thắng được xếp hạng quốc gia (sở VH TT Bảo tàng Hải Phòng – HP2005)
4. Hỏi đáp về những ngôi đền nổi tiếng ở Việt Nam – Đặng Nhật Thủy chủ biên (NXB quân đội nhân dân năm 2009)
5. Huyện ủy, UBND, phòng giáo dục huyện Thủy Nguyên – Thủy Nguyên quê em – NXB Hải Phòng 1998.
6. Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam các tỉnh phía Bắc – tác giả TS Nguyễn Tiên Ban (NXB thông tin và truyền thông)
7. Các website
<https://www.google.com.vn/>
<http://dulichminhtam.vn/>
<http://vi.wikipedia.org/>

PHỤ LỤC

Bảng điều tra “vị trí của ngôi đền tại Tràng Kênh trong đời sống tâm linh của người dân địa phương.”

1 Bạn có biết về các đối tượng được thờ tại các ngôi đền ở Tràng Kênh không?

A có

B không

2 Bạn đến các ngôi đền này bao nhiêu lần trong năm

A 1 lần

B 2 lần

C 3 lần

D nhiều hơn 3 lần

3 Bạn đến đền vào những dịp nào?

A Ngày hội, ngày lễ

B Ngày rằm, mừng một

C Bất cứ dịp nào (ngày lễ hội, ngày rằm, mừng một, cưới xin, xây nhà, lấy vợ lấy chồng...)

4 Bạn thường cầu xin điều gì khi làm lễ tại đền

A Cầu Tài

B Cầu công danh

C Cầu con cái

D Cầu tình duyên

5 Bạn có tin vào sự linh thiêng của các ngôi đền này không

A có

B không

C không rõ



Đường từ đền thờ Ngô Quyền dẫn ra sông Bạch Đằng



Đường vào các đền tại quần thể di tích và danh thắng Tràng Kênh



Đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành



Tường bao quanh đền thờ đức vua Lê Đại Hành được chạm khắc hình bông sen và thân trúc



Cổng đền thờ Đức Vua Lê Đại Hành



Cổng đền thờ Đức Thánh Trần



Gian trung đường tại đền thờ Đức Thánh Trần



Ngũ môn đền thờ Đức Vương Ngô Quyền



Bức đại tự tại đền thờ đức Vương Ngô Quyền



Bức đại tự trước cửa đền thờ danh tướng Trần Quốc Bảo (Bạch giang lưu tích –
sự tích sông Bạch Đằng còn lưu truyền mãi mãi)